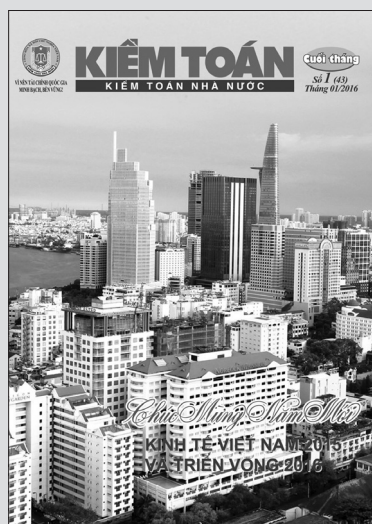




KIỂM TOÁN cuối tháng

Số 43 - Tháng 01/2016

MỤC LỤC

GẶP GỠ ĐẦU NĂM

Vũ Văn Họa	Năm 2016, KTNN sẽ đẩy mạnh loại hình kiểm toán hoạt động cả về chiều rộng và chiều sâu...	2
Nguyễn Đức Kiên	Kết quả kiểm toán giúp chúng ta biết kinh tế Việt Nam đang đứng ở đâu...	6

30 NĂM ĐỔI MỚI VÀ CHẶNG ĐƯỜNG TIẾP THEO

Vương Đình Huệ	Hai vấn đề phát triển kinh tế cho chặng đường tiếp theo	8
Nguyễn Sĩ Dũng	Động lực cho chặng đường tiếp theo sự thần kỳ của 30 năm Đổi mới	11
Trần Du Lịch	Thành tựu của Đổi mới là tiền đề để hội nhập và phát triển bền vững	13
Trần Đình Thiên	30 năm Đổi mới và những thành tựu kinh tế xã hội nổi bật	16
Lê Quốc Phương	Hội nhập kinh tế quốc tế - những ấn tượng qua 30 năm đổi mới	20

KINH TẾ VIỆT NAM 2015 VÀ TRIỂN VỌNG 2016

Nguyễn Minh Phong	Ba điểm sáng nổi bật trong phát triển kinh tế Việt Nam 2015	24
Cao Sỹ Kiêm	Có nhiều cơ sở để kỳ vọng về một nền kinh tế ổn định và phát triển trong năm 2016	26
Vũ Đình Ánh	Điều đặc biệt của diễn biến chỉ số giá tiêu dùng năm 2015	28
Cần Văn Lực	Kỳ vọng vào một thị trường vốn phát triển hơn khi hội nhập	30
Trần Kim Chung	Hội nhập và tái cơ cấu kinh tế sẽ tác động như thế nào tới thị trường bất động sản?	32

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Ngọc Quỳnh	Ban Kiểm toán Liên Hợp Quốc - thành tố quan trọng đảm bảo hoạt động minh bạch của tổ chức	35
------------	---	----

TÂM SỰ KIỂM TOÁN VIÊN TUỔI THÂN

Trần Hoàng Hải	Thêm một chuyến công tác là thêm một lần "nặng lòng" với sứ mệnh được giao...	37
Trần Văn Hòe	Khi đơn vị được kiểm toán chưa đồng thuận...	38

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

* * *	Trang thơ	39
Hữu Nguyên	Đầu năm, đọc lại bài ca dao "Đi chợ tính tiền"	40

TỔNG BIÊN TẬP

Nguyễn Thắng

ĐT: (04) 62820719

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Hồng Công

TRỤ SỞ

68 Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội

Email: kiemtoancuoi thang@sav.gov.vn

ĐT: (04) 62820721 - Fax: (04) 62820708

TÀI KHOẢN

Báo Kiểm toán 2601 0000 056239

NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chi nhánh Tây Hà Nội

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẢO CHỈ IN

Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012

của Bộ Thông tin và Truyền thông

IN TẠI

Công ty CP In KHCN mới

Giá: 15.000đ

Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Vũ Văn Họa: Năm 2016, Kiểm toán Nhà nước sẽ đẩy mạnh loại hình kiểm toán hoạt động cả về chiều rộng và chiều sâu...



Thưa ông, trong cuộc phỏng vấn đầu năm ngoái, ông đã bày tỏ sự tin tưởng rất lớn từ những thay đổi về hoạt động kiểm toán năm 2015. Nhìn lại một năm qua, liệu ông đã có thể đưa ra đánh giá của mình về kết quả của sự thay đổi này?

Thực hiện chủ trương đổi mới hoạt động kiểm toán trong năm 2015, Ban cán sự Đảng, lãnh đạo Kiểm toán Nhà nước và toàn thể công chức, kiểm toán viên và người lao động của KTNN đã nỗ lực phấn đấu, triển khai nhiều giải pháp đồng bộ và quyết liệt nhằm hiện thực hóa các chủ trương này vào thực tiễn. Mặc dù công tác tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2015 vẫn đang được triển khai thực hiện, nhưng qua kết quả tổng hợp sơ bộ từ các báo cáo kiểm toán đã phát hành cho thấy, các chủ trương đổi mới kiểm toán bước đầu đã đạt được các kết quả đáng ghi nhận, chất lượng các kết luận, kiến nghị kiểm toán được nâng cao, đặc biệt là các cuộc kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương đã có nhiều phát hiện kiểm toán lớn, tập trung vào các vấn đề tồn tại trong quản lý, điều hành ngân

sách địa phương.

Tuy nhiên, qua gần một năm triển khai, các chủ trương đổi mới hoạt động kiểm toán năm 2015 cũng cho thấy một số bất cập:

Một là, việc tập trung kiểm toán ngân sách địa phương là để phục vụ HĐND phê chuẩn quyết toán gặp không ít khó khăn do một số địa phương chưa lập Báo cáo quyết toán đúng thời hạn theo quy định (vào 1/10 hàng năm) dẫn đến khối lượng công việc dồn vào các tháng cuối năm 2015 quá lớn.

Hai là, năm 2015 là năm đầu triển khai đổi mới hoạt động kiểm toán, đặc biệt là kiểm toán tại các cơ quan tài chính tổng hợp ở địa phương nên trong quá trình thực hiện còn có khoảng cách giữa thực tế và mục tiêu ban đầu đề ra.

Ba là, một số cuộc kiểm toán chuyên đề được dư luận xã hội quan tâm như Đề án Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015; Công tác Quản lý và sử dụng kinh phí NSNN đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ năm 2014; Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2014 bước đầu đã đạt được kết quả nhất định, nhưng cũng xuất hiện không ít hạn chế bất cập như chất lượng báo cáo kiểm toán chưa cao, thường xuyên phát hành chậm, chưa phát hiện được nhiều vấn đề bất cập về cơ chế, chính sách...

Nhận biết được điều này, trong năm 2016, Ban cán sự Đảng, lãnh đạo KTNN đã có những giải pháp rất cụ thể để từng bước khắc phục và hạn chế các tồn tại nêu trên trong thời gian tới như: xác định rõ vai trò và nhiệm vụ của đơn vị chủ trì, cũng như đơn vị phối hợp để hướng đến đơn vị chủ trì cũng như đơn vị phối hợp đều phải có trách nhiệm như nhau; bổ sung, hoàn thiện đề cương kiểm toán ngân sách địa phương và một số

chuyên đề đã ban hành trong năm 2015, cũng như tổ chức xây dựng đề cương kiểm toán mới nhằm đảm bảo sự chỉ đạo tập trung, thống nhất trong toàn ngành...

Vậy, tiêu chí để lựa chọn các đầu mối trong kế hoạch kiểm toán năm 2016 được xác định như thế nào, thưa ông?

Để đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, định hướng nêu trên, KTNN đã đưa ra các tiêu chí lựa chọn đầu mối kiểm toán trong Kế hoạch kiểm toán năm 2016 cho từng lĩnh vực kiểm toán:

Thứ nhất, về kiểm toán ngân sách

Tổ chức kiểm toán để xác nhận tính đúng đắn, trung thực đối với báo cáo quyết toán ngân sách năm 2015 của các bộ, cơ quan Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể là:

(1) Tổ chức kiểm toán ngân sách năm 2015 của hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để đánh giá toàn diện công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách, trong đó đi sâu kiểm toán việc quản lý, điều hành thu ngân sách và chi đầu tư xây dựng.

(2) Kiểm toán ngân sách năm 2015 khoảng 50-60% số bộ, cơ quan Trung ương thuộc phạm vi kiểm toán của KTNN, trong đó tập trung kiểm toán để đánh giá công tác quản lý điều hành chi sự nghiệp và chi đầu tư phát triển.

Thứ hai, về kiểm toán chuyên đề

(1) Ưu tiên lựa chọn kiểm toán các chủ đề liên quan đến các chính sách, chế độ, chương trình và dự án trong cả giai đoạn 2011-2015. Trong đó, tập trung kiểm toán các chương trình, dự án và hoạt động liên quan đến tái cơ cấu nền kinh tế như: Tái cơ cấu đầu tư công, trọng tâm là Chương trình trái phiếu Chính phủ; cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng; tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng



tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và tái cơ cấu nông nghiệp, trọng tâm là Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

(2) Tập trung kiểm toán các hoạt động nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là những nhiệm vụ và giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Chính phủ.

(3) Lựa chọn để kiểm toán một số hoạt động liên quan đến thực hiện các chủ trương, chính sách về giáo dục, đào tạo nghề; các chính sách mới về xã hội hóa y tế, tăng cường trang thiết bị y tế để giảm quá tải cho các bệnh viện tuyến Trung ương.

Thứ ba, về kiểm toán hoạt động

Ưu tiên lựa chọn các chương trình, dự án hoặc hoạt động có qui mô phù hợp, được dư luận xã hội quan tâm nhằm đánh giá sâu về tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực của hoạt động được lựa chọn kiểm toán; đồng thời đẩy mạnh nội dung kiểm toán hoạt động trong các cuộc kiểm toán ngân sách, kiểm toán chuyên đề.

Thứ tư, về lĩnh vực đầu tư xây dựng và chương trình dự án

Tập trung kiểm toán tổng hợp công tác quản lý, điều hành chi đầu tư xây dựng của các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương trong năm 2015; lựa chọn để kiểm toán các dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP) và các hình thức đầu tư không sử dụng vốn nhà nước để huy động tối đa nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; các dự án đầu tư có quy mô lớn, được dư luận xã hội quan tâm như: Các dự án trọng điểm ngành giao thông vận tải; dự án được đầu tư bằng nguồn vốn ODA, dự án BOT, BTO, BT; các chương trình, dự án về xử lý nước thải, vệ sinh môi trường đô thị, phòng chống thiên tai, phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp... và kiểm toán trong quá trình đầu tư đối với các dự án đã được kiểm toán trong năm 2015 chuyển sang; các dự án theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ...

Thứ năm, về lĩnh vực doanh nghiệp, tổ chức tài chính - ngân hàng

Tiếp tục tập trung kiểm toán các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính nhà nước để đánh giá thực trạng thực hiện đề án tái cơ cấu doanh nghiệp và đề án

cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015.

Ông vừa nói đến việc KTNN sẽ đẩy mạnh loại hình kiểm toán hoạt động trong năm 2016. Vậy, xin ông cho biết cụ thể hơn về kế hoạch này?

Đẩy mạnh phát triển loại hình kiểm toán hoạt động là một chủ trương lớn của KTNN, được Ban cán sự Đảng, lãnh đạo KTNN đặc biệt quan tâm, chỉ đạo và được cụ thể hóa thành Mục đích chiến lược số 06 “Tăng cường giá trị và lợi ích trong việc đánh giá tính kinh tế, tính hiệu lực và hiệu quả trong quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và tài sản công” trong Kế hoạch chiến lược phát triển KTNN giai đoạn 2013-2017 ban hành kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-KTNN ngày 09/10/2013 của Tổng Kiểm toán Nhà nước. Đề cụ thể hóa Mục tiêu chiến lược này, trong thời gian qua, KTNN đã xây dựng được một bộ phận công chức kiểm toán có năng lực chuyên môn và được đào tạo bài bản cả trong nước và nước ngoài làm nòng cốt cho kiểm toán hoạt động và tập trung tại phòng Kiểm toán hoạt động trực thuộc Vụ Tổng hợp; xây dựng và ban hành Bộ tài liệu đào tạo kiểm toán hoạt động; tổ chức nghiên cứu, xây dựng các chuẩn mực kiểm toán liên quan đến kiểm toán hoạt động; triển khai đào tạo về kiểm toán hoạt động cho nhiều lượt công chức kiểm toán trong ngành; thực hiện thí điểm một số cuộc kiểm toán với sự hỗ trợ từ các chuyên gia tổ chức CCAF... Trên cơ sở các kết quả đạt được, đến năm 2016, lãnh đạo KTNN quyết định đẩy mạnh loại hình kiểm toán hoạt động cả về chiều rộng và chiều sâu, trên nguyên tắc thực hiện kiểm toán hoạt động theo đúng quy trình và thông lệ quốc tế.

Trước những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kiểm toán của năm mới, theo ông đâu là những giải pháp chủ yếu để KTNN có thể thực hiện một cách hiệu quả nhất đối với những mục tiêu kế hoạch đã đề ra?

Năm 2016 là năm đầu tiên Luật Kiểm toán nhà nước sửa đổi có hiệu lực thi hành, đây vừa là điều kiện thuận lợi, cũng là khó khăn, thách thức lớn nhất đối với hoạt động kiểm toán của KTNN. Một mặt, Luật KTNN sửa đổi tạo ra hành lang pháp lý mới, đầy đủ và hoàn chỉnh hơn cho các hoạt động của KTNN. Tuy nhiên, là năm đầu tiên triển khai



Luật, KTNN cũng sẽ phải dành thời gian, nhân lực cho việc đào tạo, tuyên truyền, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản, quy trình kiểm toán cho đồng bộ với Luật KTNN sửa đổi. Ngoài ra, năm 2016 cũng là năm đầu tiên các cấp, ngành triển khai thực Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp và đặc biệt là Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII nên khó có sự phối hợp nhịp nhàng giữa KTNN với các đơn vị được kiểm toán.

Từ nhận định trên, để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kiểm toán năm 2016, Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo KTNN đã đề ra một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, bám sát sự chỉ đạo của Quốc hội để triển khai nhiệm vụ công tác năm 2016 của KTNN một cách khoa học, hiệu quả; chủ động phối hợp và cung cấp kịp thời các số liệu, thông tin cần thiết, các phát hiện kiểm toán nổi bật phục vụ hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ đạo điều hành của Chính phủ; phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan Trung ương, cấp ủy và chính quyền địa phương trong hoạt động kiểm toán, nhất là trong công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận và kiến nghị kiểm toán; kịp thời chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra, thanh tra đối với các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật được phát hiện qua kiểm toán nhằm nâng cao vai trò của KTNN trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thứ hai, tiếp tục tăng cường và thực hiện đồng bộ các giải pháp về giáo dục chính trị, tư tưởng gắn với nắm bắt tình hình, theo dõi, kiểm tra và giám sát đối với công chức, viên chức và người lao động. Đề cao trách nhiệm của thủ trưởng, lãnh đạo đơn vị. Nâng cao nhận thức về tính tiên phong, gương mẫu và trách nhiệm đảng viên, người đứng đầu đơn vị. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ; giám sát chặt chẽ đạo đức nghề nghiệp và văn hoá ứng xử của Kiểm toán viên nhà nước; kiên quyết đấu tranh và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mọi hoạt động của KTNN.

Thứ ba, thực hiện đồng bộ các giải pháp về tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Luật KTNN sửa đổi năm 2015, trong đó tập trung sửa đổi, bổ sung văn bản chế độ, hoàn thiện cơ sở

pháp lý, quy trình, chuẩn mực kiểm toán; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho kiểm toán viên đáp ứng các quy định của Luật KTNN sửa đổi và yêu cầu đổi mới công tác kiểm toán của KTNN.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới phương pháp và cách thức tổ chức thực hiện kiểm toán bằng các giải pháp cụ thể: Tổ chức các Đoàn kiểm toán có quy mô phù hợp, đảm bảo cơ cấu ngành, lĩnh vực, chú trọng bố trí kiểm toán viên đủ năng lực để thực hiện các công việc trước, trong và sau khi kiểm toán; tổ chức linh hoạt các cuộc kiểm toán chuyên đề, kiểm toán ngân sách của bộ, cơ quan Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của hoạt động kiểm toán đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị được kiểm toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm soát hoạt động kiểm toán bằng các giải pháp cụ thể như tăng thời gian, nhân lực và mở rộng phạm vi khảo sát để thu thập đầy đủ thông tin phục vụ việc đánh giá rủi ro, xác định trọng yếu, mục tiêu, phạm vi, nội dung kiểm toán nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán; nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của từng cấp quản lý thông qua việc bám sát tình hình kiểm toán thực tế, duy trì tốt chế độ báo cáo tiến độ và kết quả kiểm toán; đổi mới phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán, tăng cường thảo luận với đơn vị được kiểm toán để làm rõ cơ sở pháp lý của các kết luận, kiến nghị và số liệu kiểm toán; chú trọng cập nhật, đánh giá thông tin đến thời điểm kiểm toán nhằm nâng cao tính thời sự, khả thi của các kết luận, kiến nghị kiểm toán; đổi mới kết cấu báo cáo kiểm toán theo hướng ngắn gọn, rõ ràng, đi thẳng vào bản chất vấn đề, kiến nghị phù hợp với phát hiện kiểm toán.

Thứ sáu, đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống chuẩn mực, quy trình, sổ tay hướng dẫn kiểm toán và chương trình đào tạo về kiểm toán hoạt động để triển khai đào tạo; từng bước nâng cao vai trò và tỷ trọng loại hình kiểm toán hoạt động trong hoạt động kiểm toán của KTNN.

Xin trân trọng cảm ơn và chúc ông đạt được nhiều thành công trong năm mới!■

ĐÌNH HIỀN (thực hiện)

Kết quả kiểm toán giúp chúng ta biết kinh tế Việt Nam đang đứng ở đâu...



TS. NGUYỄN ĐỨC KIÊN

Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội

Thưa ông, ông đánh giá như thế nào về thực trạng nền kinh tế Việt Nam trong năm 2015?

Tôi cho rằng trong năm 2015, chúng ta đã làm được một số việc:

Thứ nhất, nền kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định. Lần đầu tiên sau rất nhiều năm, lạm phát không phải là “bóng ma” lớn vờn lên nền kinh tế.

Thứ hai, chúng ta giữ được sự ổn định của các doanh nghiệp trong nước, môi trường đầu tư từng bước được cải thiện.

Như vậy, đánh giá chung về kinh tế - xã hội trong năm 2015, thành tựu lớn nhất là kinh tế vĩ mô từng bước được ổn định.

Tuy nhiên, cái tồn tại trong năm 2015 là việc chúng ta trả giá khá đắt cho sự ổn định ấy. Cụ thể: chỉ số nợ công, chỉ số kim ngạch xuất khẩu, chỉ số nhập siêu của khối doanh nghiệp nội... là những tín hiệu cho thấy nền kinh tế phát triển không bền vững. Chúng ta tăng trưởng xuất khẩu chủ yếu dựa vào doanh nghiệp FDI; tăng trưởng chủ yếu nhờ vốn. Thực tế, chúng ta bội chi ngân sách, nợ công tăng với tốc độ 18% trong khi tăng trưởng chỉ có 6%. Như vậy, tốc độ tăng nợ công cao gấp 3 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế. Điều này là



minh chứng cho thấy, nền kinh tế phát triển không từ nội lực, lợi nhuận mà hoàn toàn từ vốn đầu tư.

Như chia sẻ của ông, có thể thấy nền kinh tế còn đứng trước rất nhiều khó khăn, thách thức cần tiếp tục phải giải quyết. Vậy theo ông, chúng ta sẽ đón đợi những gì cho nền kinh tế Việt Nam trong năm 2016?

Đối với một nền kinh tế, quan trọng nhất là chính sách ổn định. Chính sách kinh tế của năm 2016 sẽ giữ ổn định như năm 2015 nếu không có tác động từ bên ngoài. Đây là một cố gắng lớn bởi khi chính sách ổn định, các doanh nghiệp mới hoạch định được chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất của mình. Nếu chính sách thay

đổi thì doanh nghiệp không dám đầu tư. Nhưng chúng ta khẳng định, chính sách không thay đổi, trừ trường hợp có yếu tố bên ngoài tác động rất mạnh. Tuy nhiên, cũng có một “ẩn số” là tác động hai chiều của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) đối với nước ta như thế nào là chúng ta chưa lường hết được.

Theo tôi, nền kinh tế sẽ không có đột biến lớn trong năm 2016. Tất cả cơ chế, chính sách vẫn tương đương như năm 2015 và nền kinh tế vẫn tiếp tục ổn định, có chăng năm 2017 sẽ “nhúc nhích”. Chúng ta phải nói thẳng, nền kinh tế 2016 còn khó khăn hơn năm 2015 bởi giá dầu xuống thấp sẽ làm mất cân đối nguồn thu. Tuy giá dầu chỉ chiếm khoảng 10% trên tổng thu của nền kinh tế nhưng nó có tác động rất lớn. Như năm 2015, giá dầu hụt khoảng 40.000 tỷ đã làm ngân sách thu nội địa giảm 5% trong tổng thu nội địa. Như vậy, năm 2016, nếu giá dầu giảm nữa thì không biết chúng ta lấy gì để bù.

Là một chuyên gia có sự quan tâm nhiều đến Kiểm toán Nhà nước (KTNN), ông đánh giá như thế nào về hoạt động kiểm toán của KTNN trong năm qua, đặc biệt khi Luật Kiểm toán nhà nước (sửa đổi) được



Quốc hội thông qua?

Có thể nói, trong năm 2015, KTNN làm được rất nhiều việc, trong đó có những việc “thầm lặng” như hỗ trợ quá trình tái cơ cấu ngân hàng, kiểm toán tái cơ cấu DNNN... Việc kiểm toán tái cơ cấu DNNN đã làm cho bức tranh về DNNN rõ nét hơn từ hai khía cạnh:

- Thứ nhất, cung cấp thông tin đúng cho xã hội về DNNN và việc chi tiêu của các đơn vị thụ hưởng ngân sách;

- Thứ hai, như tín hiệu “đèn vàng” nhấp nháy để cảnh báo các đơn vị được kiểm toán biết, khi chuẩn bị đến “ngã tư”, họ phải chọn một đường đi đúng. Tôi thấy, hoạt động của KTNN trong năm qua tương đối tốt, đặc biệt Quốc hội thông qua Luật Kiểm toán nhà nước (sửa đổi) chính là một công cụ để KTNN định hướng công tác kiểm toán chung cho cả nền kinh tế, trong đó phân tách rõ vai trò, nhiệm vụ của KTNN và Kiểm toán độc lập (bởi từ trước đến nay, khi nói đến kiểm toán là người ta nghĩ ngay đến KTNN, chứ không nghĩ có cả kiểm toán độc lập). Hay trong kiểm toán tái cơ cấu ngân hàng, năm vừa qua, dựa trên chuẩn mực kế toán, kiểm toán đã ban hành, Ngân hàng Nhà nước đã mua lại với giá 0 đồng 3 ngân hàng (VNCB, GP Bank và Ocean Bank) dựa trên kết quả kiểm toán độc lập. Điều này cho thấy, vai trò của kiểm toán nói chung và KTNN nói riêng đã được nền kinh tế chấp nhận. Các kết luận kiểm toán, kể cả KTNN và kiểm toán độc lập, gần như là kết luận chung, kết luận cuối cùng về hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Đây là

thành công nhất của trong lĩnh vực kiểm toán nói chung trong năm 2015.

Năm 2015, một trong những trọng tâm kiểm toán của KTNN là kiểm toán tái cơ cấu nền kinh tế, trong khi công cuộc tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế vẫn còn nhiều việc phải làm. Ông có suy nghĩ gì về vấn đề này?

Theo tôi, chúng ta phải phân tách ra hai việc: Thứ nhất, tái cơ cấu nền kinh tế là việc của các cơ quan được giao nhiệm vụ. Thứ hai, nhiệm vụ của KTNN là đánh giá quá trình tái cơ cấu này để giúp các cơ quan hoạch định chính sách chiến lược biết việc thực hiện chính sách ấy tiến độ như nào, kết quả ra sao. Một trong những đóng góp quan trọng của KTNN là kiểm toán đầu tư công. Từ trước tới nay, chúng ta hay nói tới vấn đề nợ đọng xây dựng cơ bản và nợ của các công trình như lỗi tự nhiên, vốn có của một nền kinh tế, thì nay, qua kết luận kiểm toán, chúng ta hiểu quyết định đầu tư ấy là chưa chính xác (ở cả khía cạnh bố trí vốn cũng như đánh giá tác động lan tỏa). Bởi vậy, khả năng tác động tích cực của các công trình, dự án đầu tư công đến nền kinh tế không đạt được. Như vậy, đánh giá của KTNN cho thấy, chúng ta chưa hoàn thành mục tiêu tái cơ cấu theo như tiến độ đề ra. Đây là điều rất quan trọng bởi từ những báo cáo kiểm toán riêng lẻ của mỗi địa phương, những người làm chính sách vĩ mô mới dựng lại được bức tranh chung để đưa vào nhận định của Báo cáo chính trị Đại

hội Đảng toàn quốc lần thứ XII: Công tác tái cơ cấu trong những năm qua chưa đạt được yêu cầu đề ra theo Nghị quyết Trung ương 3, khóa XI. Đây là kết luận rất quan trọng, đánh giá cả quá trình tái cơ cấu; trong đó KTNN là công cụ “thầm lặng” nhất góp phần đi đến thành công này. Sở dĩ gọi là thành công bởi kết quả kiểm toán giúp những người hoạch định vĩ mô biết được chúng ta đang đứng ở đâu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ đó đề ra phương hướng hành động trong 5 năm tới và các năm tiếp theo.

Vậy theo ông, KTNN cần có phương hướng hành động như thế nào để phù hợp với bối cảnh hội nhập sâu rộng hiện nay?

Tôi cho rằng, trước tiên, KTNN phải xây dựng được cơ chế để đảm bảo quyền chủ động cho các kiểm toán viên (KTV).

Thứ hai, về phương thức đãi ngộ, phải có chính sách riêng đối với Kiểm toán viên nhà nước. Không lý gì mà cũng KTV ấy, nếu họ làm ở KTNN lương chỉ 7 triệu/tháng trong khi kiểm toán độc lập của nước ngoài, lương 1.000-2.000 USD/tháng. Chúng ta phải xây dựng cơ chế để làm sao giữ được KTV có trình độ cao nhưng đồng thời không tạo ra sự phá vỡ cân bằng về mặt bằng chung của tiền lương trong hệ thống công chức nhà nước.

Trân trọng cảm ơn những chia sẻ của ông. Nhân dịp Năm mới, kính chúc ông và gia đình dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, vạn sự như ý!

XUÂN HỒNG (thực hiện)

Hai vấn đề phát triển kinh tế cho chặng đường tiếp theo



GS.TS. VƯƠNG ĐÌNH HUỆ

Ủy viên Trung ương Đảng - Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng có ý nghĩa trọng đại trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành và phát triển; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được quan tâm xây dựng và từng bước hoàn thiện. Thực lực của nền kinh tế tăng lên, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát. Môi trường đầu tư không ngừng được cải thiện, thế và lực của nước ta vững mạnh, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Đồng thời chúng ta cũng nhận thức rõ còn những hạn chế, khó khăn không nhỏ của nền kinh tế đã và đang đặt ra những vấn đề cần phải có những quyết sách trong thời gian tới đưa nước ta phát triển



nhanh và bền vững.

Nguyên nhân của những thành tựu đạt được là nhờ có nhận thức đúng đắn, đổi mới tư duy lý luận của Đảng về tính tất yếu của phát triển kinh tế thị trường; quyết định chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, kiên trì lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quyết sách về kinh tế, được Nhân dân đồng tình ủng hộ và tích cực tham gia thực hiện. Sự quản lý, điều hành của Nhà nước đối với kinh tế thị trường sát thực và hiệu quả hơn. Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua pháp luật,

chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, các công cụ kinh tế và lực lượng vật chất cần thiết và phù hợp với nguyên tắc của kinh tế thị trường; xây dựng, hoàn thiện thể chế, tạo dựng môi trường kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh, khắc phục và hạn chế những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường. Mở rộng, phát huy dân chủ trong lĩnh vực kinh tế, thực hiện ngày càng tốt hơn vai trò làm chủ về kinh tế của nhân dân. Vai trò lãnh đạo cũng như nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng rõ nét, theo đó đã xác định tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế, nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế của các tổ chức đảng, tăng cường lãnh đạo và kiểm tra về phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, qua 30 năm đổi mới, nền kinh tế còn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu; thiếu bền vững. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, chất lượng chưa cao, tiến độ ban hành còn chậm; việc tuyên truyền, phổ biến, thực thi pháp luật và bảo đảm kỷ cương, pháp luật còn nhiều hạn chế. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.



Quyền tự do kinh doanh chưa được tôn trọng đầy đủ, môi trường kinh doanh chưa thật sự đảm bảo cạnh tranh công bằng, lành mạnh giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Doanh nghiệp gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường còn gặp nhiều vướng mắc. Giá cả của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu chưa thật sự tuân thủ theo nguyên tắc và quy luật kinh tế thị trường. Quản trị doanh nghiệp còn yếu kém, chưa theo kịp các tiêu chuẩn quốc tế và chưa đáp ứng yêu cầu của kinh tế thị trường. Doanh nghiệp nhà nước, trong đó nhiều tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước chưa thể hiện được đầy đủ vai trò là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước; hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả thấp, dễ xảy ra lãng phí, thất thoát. Kinh tế tập thể còn nhiều mặt yếu kém kéo dài. Doanh nghiệp tư nhân phổ biến là quy mô nhỏ. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu chuyển giao công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ nguồn và trình độ quản lý tiên tiến; phân công vẫn hoạt động trong các ngành sử dụng nhiều lao động, khai thác tài nguyên; nhiều doanh nghiệp chỉ hướng vào thị trường trong nước. Sử dụng vốn vay ODA, đầu tư công hiệu quả chưa cao. Một số yếu tố thị trường phát triển chưa đồng bộ, quy mô, cơ cấu và trình độ các loại thị trường còn hạn chế, bất cập; kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc; tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế chưa cao, còn lệ thuộc nhiều vào một vài thị

trường bên ngoài.

Như vậy, trong giai đoạn tới, hai vấn đề lớn đặt ra về phát triển kinh tế, theo chúng tôi:

Một là, hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu để phát triển đất nước nhanh và bền vững;

Hai là, tập trung thực hiện có kết quả đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là thực hiện thành công ba đột phá chiến lược, sớm khắc phục những điểm nghẽn về thể chế kinh tế, nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng.

Đây là những vấn đề theo chúng tôi phải quan tâm hàng đầu và hoàn toàn có thể đặt kỳ vọng vào những quyết sách chung của Đảng và Nhà nước trong những năm tới về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện các định hướng trên, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, về mô hình tăng trưởng, cần hướng tới mô hình tăng trưởng dựa trên nâng cao năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh với những nội dung chủ yếu sau: (1) Phương thức thực hiện: kết hợp hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, lấy tăng trưởng theo chiều sâu là hướng chủ đạo; (2) Chiến lược tăng trưởng: chuyển tăng trưởng

từ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và đầu tư sang phát triển đồng thời cả về đầu tư, xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; (3) Động lực tăng trưởng: phải dựa trên năng suất lao động, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai (R&D) nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả, nâng cao giá trị gia tăng, tăng nhanh giá trị nội địa và tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu; (4) Nguồn lực tăng trưởng: dựa trên cơ sở khai thác, phát huy nguồn nội lực đồng thời thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; (5) Mục tiêu tăng trưởng: cần hướng tới các mục tiêu dài hạn, tăng trưởng bền vững, hiệu quả và vì con người, giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, thân thiện với môi trường, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân, vì con người.

Thứ hai, về cơ cấu lại các ngành kinh tế, đẩy mạnh cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế phải gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, đảm bảo phát triển nhanh và bền vững, nâng cao trình độ phát triển và năng lực cạnh tranh của từng ngành, từng doanh nghiệp, từng sản phẩm và toàn bộ nền kinh tế. Đột phá trong đổi mới tư duy phát triển, nhất quán và đồng bộ với quyết tâm chính trị cao, lấy lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của người dân là mục tiêu cao nhất. Thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, toàn diện trong các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế trên phạm vi cả nước và từng địa

phương, doanh nghiệp, cơ sở, sản phẩm chủ yếu, với tầm nhìn dài hạn và có lộ trình cụ thể; gắn kết chặt chẽ giữa “tổng thể” và các “trọng tâm” trong cơ cấu lại nền kinh tế. Tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm về đầu tư công, hệ thống tài chính - ngân hàng và các doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thiện, bổ sung Đề án tái cơ cấu nền kinh tế, trong đó cần lượng hóa nội hàm và các cấu phần mô hình tăng trưởng, nêu rõ mục tiêu, lộ trình, phương thức phân bổ lại nguồn lực, huy động sự tham gia của xã hội, gắn quá trình tái cơ cấu nền kinh tế với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, gắn tái cơ cấu ngành công nghiệp và dịch vụ với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Thứ ba, về cơ cấu lại kinh tế vùng, thống nhất quản lý tổng hợp chiến lược, quy hoạch phát triển trên quy mô toàn bộ nền kinh tế, vùng và liên vùng. Cơ cấu lại kinh tế vùng dựa trên cơ sở lợi thế so sánh và tạo lập thể chế kinh tế vùng hiện đại và hội nhập, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế, tạo cực tăng trưởng và thể nghiệm thể chế mới, thúc đẩy kinh tế vùng phát triển. Hình thành cơ chế điều phối vùng kinh tế hiệu quả và liên kết vùng kinh tế. Xây dựng thể chế kinh tế hiện đại, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế cho các vùng, khu kinh tế, nhất là đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thể nghiệm thể chế mới, thực sự trở thành đầu tàu, động lực lan tỏa vùng ngoại vi và cả nước; đồng thời tạo điều kiện phát triển nhanh hơn các khu vực còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng biên giới,

hải đảo, Tây Nam, Tây Nguyên, Tây Bắc và phía Tây các tỉnh miền Trung. Hoàn thiện thể chế phân công, phân cấp giữa Trung ương và địa phương, vừa đảm bảo tập trung thống nhất của nền kinh tế, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương. Đổi mới hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương.

Thứ tư, phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền đất nước. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải (kinh doanh dịch vụ cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển), du lịch biển, đảo. Có cơ chế tạo bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển, thu hút mạnh hơn mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác các tài nguyên biển, đảo một cách bền vững. Tập trung đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế ven biển.

Thứ năm, chủ động hội nhập quốc tế gắn kết với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Tham gia và khai thác có hiệu quả lợi ích kinh tế trong việc tham gia các hiệp định tự do hóa kinh tế song phương và đa phương, nhất là TPP; gắn kết với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tránh phụ thuộc vào một thị trường, đối tác cụ thể. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm thực thi các hiệp định thương mại tự do sau khi được ký kết, đặc biệt là TPP, Hiệp định Việt Nam - EU. Hoàn

thiện thể chế (pháp luật, bộ máy, nhân lực) về phòng ngừa và giảm thiểu tranh chấp quốc tế, nhất là tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế. Chuẩn bị đầy đủ điều kiện tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015. Hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp phù hợp với pháp luật quốc tế.

Năm 2015, năm đánh dấu một giai đoạn quan trọng của tiến trình phát triển, năm cuối của chặng đường 30 năm đổi mới có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiều bộ luật, khung thể chế kinh tế liên quan đến môi trường đầu tư, kinh doanh được ban hành, có hiệu lực như Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi), Luật Đầu tư công, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp...; năm 2015 là năm triển khai thực hiện các Hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương một cách đồng bộ, hội nhập sâu rộng; nhưng đồng thời cũng là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, tiến hành Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII. Với niềm tin sâu sắc vào đường lối đúng đắn trong hoạch định chiến lược, chính sách phù hợp cho từng giai đoạn phát triển của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ, sự cố gắng vươn lên trong tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, các địa phương và sự phấn đấu nỗ lực của toàn dân, toàn quân, chúng ta luôn tin tưởng vào sự phát triển thịnh vượng của đất nước trên con đường hội nhập rộng mở phía trước. ■

Động lực cho chặng đường tiếp theo sự thần kỳ của 30 năm đổi mới

Phỏng vấn Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc Hội

Xin chào TS. Nguyễn Sĩ Dũng! Trong không khí cả nước đang nhìn lại thành tựu của 30 năm đổi mới, nếu có thể khái quát một cách ngắn gọn về quá trình này, ông sẽ nói những vấn đề gì?

Chúng ta thường tính là 30 năm, nhưng thực chất Đổi mới là từ Khoản 10, khi Bộ Chính trị chính thức cho ra đời Nghị quyết 10 ngày 5/4/1988. Về bản chất, Khoản 10 là việc cho người dân có quyền làm chủ sản phẩm dư thừa của mình. Đó thực chất là quyền tự do đối với tài sản được bảo đảm rộng hơn. Từ động thái này, chỉ 2 năm sau, nước ta đã từ một nước thiếu gạo, thậm chí có người chết đói trở thành một nước xuất khẩu gạo vào loại hàng đầu thế giới. Những điểm quan trọng nhất của đổi mới đầu tiên phải kể đến sự ra đời của Luật Doanh nghiệp, cụ thể là doanh nghiệp tư nhân, thứ hai là chuyện xóa bỏ độc quyền ngoại thương của Nhà nước, thứ ba là chuyện sáng tạo ra quyền sử dụng đất, “đóng gói” quyền sử dụng đất thành tài sản, thoát được “vòng kim cô” về sở hữu đất đai. Từ đây, thị trường bất động sản và những giao dịch về đất mới hình thành, đó là một bước tiến lớn.

Có thể nói, hướng chủ đạo của cải cách 30 năm qua là hướng tự do hóa, kể cả những



cam kết FTA sắp tới, chẳng hạn như xóa bỏ rào cản về thuế quan, chấp nhận chuẩn mực thế giới... Tự do hóa là điều làm nên sự khác biệt, nhưng nguồn lực để tự do hóa gần như đã khai thác hết, đã đi đến nấc thang cuối cùng và không còn động lực để thúc đẩy phát triển. Vì thế, nếu không có bước cải cách tiếp theo thì không thể thúc đẩy phát triển công nghiệp cho đất nước.

Ông hình dung một Việt Nam sẽ như thế nào nếu không có công cuộc đổi mới?

Nếu không có quá trình đổi mới, tôi nghĩ đất nước sẽ rất gay go. Bởi vì trước khi có Khoản 10, rất nhiều chỗ người dân chúng ta thiếu đói. Nếu không đổi mới được thì cũng khó ổn định chính trị vì sự chịu đựng của người dân đã đến đáy. Đổi

mới đã đưa lại luồng sinh khí mới, làm cho chính danh của hệ thống được khẳng định.

Đổi mới cũng làm cho tính sáng tạo của người dân năng động hơn nhiều. Người dân tự vươn lên làm cho thị trường trở nên sôi động, nhu cầu con người được quan tâm. Trước đây “Bắt ở trần phải ở trần - Cho may-ô mới được phân may-ô”, còn bây giờ thì đủ kiểu loại thời trang, chỉ cần bạn có nhu cầu thì tôi sẽ sáng tạo. Nó đi theo một triết lý mới, từ thị trường của người bán đến thị trường của người mua, miễn là bạn có nhu cầu. Tôi cho rằng, công cuộc đổi mới đã tạo được sự thần kỳ.

Bản chất đổi mới là đi theo một quy luật không khác quy luật xã hội loài người. Muốn phát triển, con người phải có động lực, nếu không thì sẽ ỳ lại như một chiếc xe đồ chơi bị tháo pin nằm im một chỗ. Đương nhiên là chiếc xe đó vẫn có thể đẩy đi, giống như một con người bị đè nén, đe nạt buộc phải thay đổi, nhưng đó không phải là động lực tự thân. Cho nên, phải lắp động lực vào cho con người. Nền kinh tế thị trường chính là động lực ấy và không còn con đường nào khác trong việc phát triển nếu chúng ta không đi theo kinh tế thị trường. Theo kinh tế kế hoạch hóa, chúng ta sẽ đánh mất động lực ấy.

Theo ông, bên cạnh những thành tựu rực rỡ, chúng ta đã mất gì sau đổi mới?

Tất nhiên, bên cái được thì cũng có những cái mất. Chẳng hạn, trước đó, cuộc sống chúng ta công bằng hơn, dù là công bằng trong nghèo túng. Hồi đó bạn có 13 kg gạo, tôi cũng không hơn gì; bạn có 3 m vải, tôi cũng vậy. Quần áo đều mặc giống nhau. Vấn đề ở chỗ, sự công bằng đó thực chất có phải là một giá trị hay không? Bây giờ, người ta thường nói đến sự phân chia giàu nghèo một cách quá đáng. Trong khi những nước như Nhật Bản thì không có sự chênh lệch như thế. Thu nhập ở Nhật đều cao nhưng không ai cao quá khi họ dùng thuế và công cụ khác để điều tiết.

Một cái mất nữa, cùng với sự sáng tạo thì người ta sẽ bằng mọi cách để vươn lên làm giàu. Có cách làm giàu chính đáng, có cách không chính đáng. Bởi thế, những tệ nạn như trộm cắp, lừa đảo,... nảy sinh nhiều hơn. Đó cũng là cái giá phải trả đương nhiên cho một cuộc sống sôi động.

Như ông vừa nói, hướng chủ đạo của giai đoạn 30 năm qua là tự do hóa, vậy hướng chủ đạo của giai đoạn cải cách tiếp theo có thể gọi là gì, thưa ông?

Giai đoạn tiếp theo, (cũng có thể gọi là đổi mới 2) cần được chuyển từ tự do hóa sang chuyên nghiệp hóa. Chúng ta chỉ có thể cạnh tranh được với thế giới nếu tất cả những lĩnh vực đều trở nên chuyên nghiệp, không phải tự do rồi thích làm gì thì làm. Thích làm nhưng nếu không có chuyên môn sâu thì không thể cạnh tranh

được. Khi nói đến hội nhập, nói đến mở cửa thị trường là nói đến cạnh tranh, muốn cạnh tranh là phải rất giỏi, muốn rất giỏi là phải chuyên nghiệp. Thành thử, nếu muốn vươn lên, định hướng của cải cách tiếp theo nhất thiết phải là chuyên nghiệp hóa.

Ở tầm quốc gia, chuyên nghiệp hóa là một sự phân công lao động hợp lý, nghĩa là thiết chế nào làm công việc của thiết chế đó, không chồng chéo chức năng. Đây là giai đoạn cải cách hết sức quan trọng. Phải chuyên nghiệp hóa nền quản trị quốc gia. Các thiết chế phải làm việc một cách chuyên nghiệp, tạo nên một nền quản trị, trong đó có Đảng, có Chính phủ, có Quốc hội, có Tòa án, có các tổ chức xã hội... Trong cuộc cạnh tranh, năng lực cạnh tranh không phải là của các doanh nghiệp mà của một nền quản trị quốc gia so với một nền quản trị quốc gia khác.

Ngoài các bộ phận đó, một nhiệm vụ hết sức quan trọng nữa là phải xây dựng được nền công vụ chuyên nghiệp. Các cơ quan công quyền không phải là các cơ quan hành chính mà là cơ quan công vụ, trên đầu các cơ quan công vụ là Luật, và Luật luôn ở vị trí cao nhất, chính nó áp đặt việc tuân thủ các quy định chứ không phải là một quan chức chính trị. Ví dụ, cao nhất ngành thuế là Luật thuế, nếu bộ trưởng không đóng thuế cũng phải chịu trách nhiệm hình sự như người dân. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn là đứng đầu một công vụ bảo đảm chuyên môn đó. Họ là những người rất chuyên nghiệp, có thể ban hành các tiêu chuẩn và áp đặt các tiêu chuẩn đó. Phụ trách giao thông

phải rất chuyên nghiệp về giao thông, phụ trách hàng không sẽ rất chuyên nghiệp về hàng không... Chuyên nghiệp hóa nghĩa là các tổ chức vận hành như là một cấu thành của xã hội dân sự, không phải là hành chính hóa. Các tổ chức này phải đủ năng lực để đại diện cho những thành viên của nó và phản biện cho các thành viên của nó.

Một biểu hiện nữa của tính chuyên nghiệp là không chồng chéo chức năng giữa trung ương và địa phương. Việc phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương là phải rất rõ. Không thể có kiểu ngân sách lồng ghép như hiện nay. Có thể phân quyền theo mô hình của nước Đức, tức là những gì cấp dưới làm được thì cấp dưới phải làm hết, chỉ có những vấn đề cấp dưới không làm được thì cấp trên mới làm.

Cải cách tiếp theo nếu làm được sẽ rất tốt, đó là phải có một hệ thống tòa án hết sức chuyên nghiệp, luôn luôn sẵn sàng tìm ra công lý và là niềm tin, là nơi người dân tìm đến khi cần bảo vệ quyền của mình.

Tóm lại, mọi thiết chế cần phải chuyên nghiệp hóa, dù chuyên nghiệp hóa khó hơn tự do hóa rất nhiều. Bởi vì, nếu không có kỹ năng thì không thể làm chuyên nghiệp hóa. Chúng ta phải học, phải tiếp nhận được từ nước ngoài, phải có hiểu biết và phải rèn luyện được các kỹ năng.

Theo ông, hiện tại chúng ta có những thuận lợi và khó khăn nào trong việc thúc đẩy quá trình chuyên nghiệp hóa?

(Xem tiếp trang 19)



Thành tựu của đổi mới là tiền đề để hội nhập và phát triển bền vững



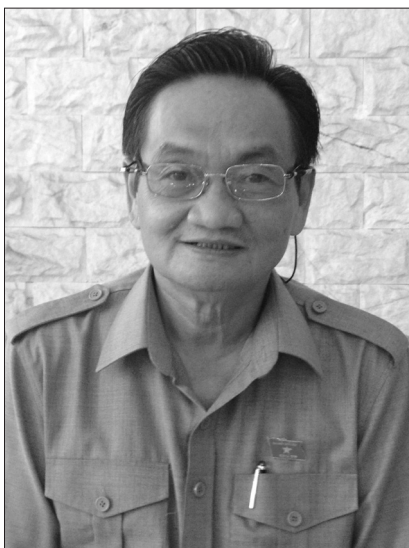
TS. TRẦN DU LỊCH - Ủy viên Ủy ban Kinh tế của Quốc hội

Thành viên Hội đồng Tư vấn chính sách Tài chính tiền tệ Quốc gia

Từ một nước có thu nhập thấp trở thành nước có thu nhập trung bình

Sự nghiệp đổi mới, sau gần 30 năm, đã đưa nền kinh tế nước ta đạt được những thành tựu khá toàn diện: Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và liên tục trong nhiều năm; cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng cạnh tranh hơn; chỉ số phát triển con người (HDI) đã đạt gần mức trung bình của thế giới; vị thế kinh tế của nước ta trên trường quốc tế được khẳng định như một thị trường mới nổi có nhiều tiềm năng. Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa vào lao động giá rẻ, khai thác lợi thế của tài nguyên tự nhiên; tăng trưởng theo chiều ngang, hướng vào xuất khẩu... đã thực hiện tốt sứ mệnh đưa nước ta từ một nền kinh tế kém phát triển trở thành quốc gia có thu nhập trung bình (ngưỡng thấp); thành công ấn tượng trong mục tiêu giảm nghèo và cải thiện đáng kể kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội.

Cụ thể: GDP/người năm 1990 đạt 98 USD; năm 2015 ước đạt khoảng 2.250 USD; quan hệ kinh tế quốc tế trên 3 lĩnh vực thương mại, đầu tư và tín dụng đều phát triển mạnh mẽ; nhiều sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp chiếm thị phần đáng kể trên thị trường



thế giới; khu vực kinh tế tư nhân có sự phát triển nhanh chóng; hạ tầng kỹ thuật và xã hội được cải thiện (vốn đầu tư kết cấu hạ tầng chiếm 24,5% tổng vốn đầu tư xã hội; 98% dân cư được cung cấp điện; 179/289 khu công nghiệp đi vào hoạt động; thu hút hơn 4000 dự án FDI với số vốn 56,6 tỷ USD; số hộ nghèo giảm từ hơn 50% số hộ xuống còn dưới 10%...

Thách thức trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế

Để Việt Nam trở thành nước công nghiệp, tránh “bẫy thu nhập trung bình”, chúng ta còn đối mặt với nhiều thách thức. Sau 25 năm thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (từ năm 1991 đến nay), nền kinh tế nước

ta đạt mức tăng trưởng cao nhất là trong 5 năm đầu (1991-1995) với mức bình quân 8,4%/năm, riêng năm 1995 GDP đạt mức tăng cao nhất cho đến nay (9,5%) và kéo dài đến hết năm 1996 (GDP tăng 9,3%), trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính khu vực (1997-1999). Có thể nói, giai đoạn này là thời kỳ nền kinh tế có sức bật mạnh nhất nhờ động lực đổi mới thể chế kinh tế, chuyển từ cơ chế cũ sang cơ chế mới. Tuy nhiên, thời gian tăng trưởng chỉ được 4 năm (1992-1996), ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính khu vực đã kéo lùi tốc độ tăng trưởng kinh tế (từ 1997 đến năm 2000), trong đó năm 1999 được xem là đáy của suy giảm (GDP tăng 4,8%). Tốc độ tăng GDP bình quân giai đoạn này còn 6,8%/năm.

Bước qua giai đoạn 2001-2005, tình hình kinh tế khu vực và thế giới diễn biến thuận lợi, cùng với sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 2000, nền kinh tế nước ta như đón một luồng sinh khí mới để phục hồi tốc độ tăng trưởng. Tốc độ tăng GDP giai đoạn này đạt 7,2%/năm nhưng chưa lấy lại được tốc độ của giai đoạn 1992-1996. Năm 2005, tốc độ tăng GDP đạt mức cao nhất cũng chỉ



đạt 8,4% và bắt đầu suy giảm dần từ năm 2006 (tăng 8,2%) cho đến khi chạm đáy vào năm 2009 (5,32%), do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu cũng như hiện tượng “bong bóng” của nền kinh tế (2006-2007 “bong bóng” chứng khoán và bất động sản). Năm 2010, nền kinh tế có hồi phục tăng trưởng nhờ “gói kích thích kinh tế” áp dụng trong 2 năm 2009-2010, nhưng bước sang năm 2011, nền kinh tế lâm vào tình trạng tái lạm phát cao, bất ổn kinh tế vĩ mô và có dấu hiệu trì trệ. Kế hoạch 5 năm 2006-2010, tốc độ tăng GDP chỉ đạt 6,3% (kế hoạch đề ra là 7,5-8%).

Giai đoạn 2011-2015, mục tiêu kế hoạch đề ra tăng GDP từ 7,5-8%/năm (sau đó Quốc hội điều chỉnh lại là 6,5-7%), nhưng trên thực tế, mọi chính sách đều hướng vào 2 mục tiêu chính là

ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô và tiến hành tái cơ cấu và chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Tốc độ tăng GDP bình quân trong giai đoạn này cũng ước đạt 5,9%/năm.

Như vậy, trong 5 kế hoạch 5 năm từ 1991 đến 2015, thì trong 5 năm đầu 1991-1995, nhờ cải cách đột phá về thể chế (chuyển sang thể chế thị trường) nền kinh tế đã tự vượt qua cuộc khủng hoảng từ bên trong (1986-1988), đặc biệt vượt qua sự hụt hẫng do mất chỗ dựa từ khối xã hội chủ nghĩa; 5 năm tiếp theo 1996-2000, do động lực tạo ra sức bật giảm dần cùng với khủng hoảng tài chính khu vực, nền kinh tế trở nên trì trệ; 5 năm kế tiếp 2001-2005, nhờ tiếp tục cải cách thể chế, nổi bật là Luật Doanh nghiệp năm 2000 và Luật Đất đai năm 2003... đã tạo sự phát triển mạnh mẽ của khu vực tư nhân

trong nước (tốc độ tăng trưởng của khu vực tư nhân cao hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài). Tuy nhiên, cũng chính giai đoạn này, nền công nghiệp gia công phát triển mạnh mẽ, tỷ trọng giá trị gia tăng so với giá trị sản xuất (VA/GO) trong các ngành công nghiệp giảm sút, thị trường tiêu thụ hàng ngoại nhập (thành phẩm và bán thành phẩm) tăng mạnh, nhập siêu gia tăng...

Bên cạnh đó, do sự yếu kém về thể chế (luật pháp, quản trị công, tiêu cực trong quản lý nhà nước...) đã tạo ra “bong bóng” của 2 thị trường chứng khoán và bất động sản (2006-2007). Trong năm 2006 cho đến quý I/2007, cơn sốt chứng khoán đã làm đảo lộn mọi hoạt động kinh tế, khi chỉ số VN-INDEX lên đến gần 1.200 điểm vào tháng 3/2007, giá đất đô thị tăng đến 4-5 lần (cá biệt có nơi tăng 7-8 lần) chỉ

trong 6 tháng cuối năm 2007. Hậu quả của 2 “bong bóng” này là nguyên nhân chủ yếu gây nên cuộc “tiểu khủng hoảng” vào giữa năm 2008, khi bắt đầu có dấu hiệu của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu.

Trong kế hoạch 5 năm cuối cùng (2011-2015) của quá trình 25 năm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì mất gần ba kế hoạch 5 năm tập trung sức để đối phó với tác động từ bên ngoài và khắc phục sự bất ổn từ bên trong của nền kinh tế, cho nên tốc độ và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế phần lớn chưa đạt được. Nền kinh tế đang đứng trước thách thức về vấn đề năng suất, chất lượng, hiệu quả cũng như năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập với khu vực và thế giới.

Nâng cao năng lực cạnh tranh trong hội nhập

Chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội (2011-2020) đã xác định: Nhiệm vụ của chúng ta là phải tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; trong đó giai đoạn 2011-2015, ưu tiên tái cơ cấu 3 lĩnh vực đầu tư công, hệ thống ngân hàng thương mại và doanh nghiệp nhà nước. Để thực hiện nhiệm vụ này, trong Chiến lược cũng đề ra chủ trương phải thực hiện 3 đột phá chiến lược về thể chế kinh tế, nguồn nhân lực và xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng. Đây là chìa khóa để nâng cao năng lực cạnh tranh ở cả 3 góc độ: quốc gia, doanh nghiệp

Đứng về một khía cạnh nào đó thì kiểm toán là sản phẩm của nền kinh tế thị trường. Nó là công cụ, là thước đo giúp xã hội đánh giá về hoạt động của cơ quan hoặc doanh nghiệp trong việc chi tiêu tiền (việc chi này có thể từ NSNN hoặc từ tiền túi của doanh nghiệp). Đặc biệt, với tinh thần của Luật KTNN 2005 và Luật KTNN sửa đổi 2015, lần đầu tiên ngoài Quốc hội, KTNN là cơ quan được quyền giám sát việc chi tiêu của Chính phủ. Ngày xưa điều này là cấm kỵ. Đến bây giờ, ngoài Quốc hội, thì KTNN là cơ quan chuyên môn được quyền nhận xét về chuyên môn đối với Chính phủ. Đây là một đổi mới cơ bản về vai trò giao quyền và chịu sự giám sát. Bởi vậy, KTNN là một cơ quan độc lập với hệ thống quyền lực. Tôi cho rằng, đây là một đột phá.

TS. Nguyễn Đức Kiên
Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội

và sản phẩm. Đây cũng chính là thách thức trong quá trình hội nhập hiện nay.

Thật vậy, để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa đất nước và để phù hợp với xu hướng hội nhập mang tính tất yếu của thời đại, từ 20 năm qua, Đảng đã chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập”. Trên thực tế, chúng ta đã tham gia vào quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế một cách sâu rộng: từ tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết CEPT vào cuối thập niên 1990 với các nước ASEAN, cho đến việc kết thúc đàm phán song phương với nhiều nước vào đầu những năm 2000 để gia nhập WTO (thành viên chính thức WTO từ tháng 01/2007) và trong 8 năm qua, tiếp tục đàm phán và ký kết hàng loạt các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương thế hệ mới - FTA, các hiệp định đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với nhiều nước; đặc biệt là việc kết thúc đàm phán ký kết Hiệp định Thương mại tự do với EU; Hiệp định Đối tác xuyên Thái

Bình Dương TPP... Có thể nói trong 20 năm qua, đặc biệt trong 15 năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đã đi vào quá trình hội nhập khu vực và quốc tế theo đúng tinh thần “chủ động và tích cực”.

Nội lực của nền kinh tế là yếu tố quyết định thành công trong hội nhập. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta từ khi có cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu 2008-2009 đã lâm vào tình trạng bất ổn vĩ mô kéo dài, nội lực suy yếu, sự phục hồi chậm, nhất là khu vực kinh tế trong nước mà nguyên nhân sâu xa là do duy trì quá lâu cơ cấu và mô hình tăng trưởng kinh tế thiếu tính cạnh tranh, đổi mới thể chế kinh tế chậm; cho nên chúng ta đang đối diện nhiều thách thức, đặc biệt trong nội bộ AEC (bắt đầu hiệu lực từ 31/12/2015).

Bởi vậy, thành tựu của quá trình đổi mới, sự tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, đẩy mạnh tiến trình tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế là những nhân tố đang mở ra triển vọng cho nền kinh tế nước ta trong giai đoạn mới - hội nhập và phát triển bền vững.■

30 năm đổi mới và những thành tựu kinh tế xã hội nổi bật



PGS.TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN - Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam



Tăng trưởng kinh tế - giảm nghèo - công bằng xã hội

Cải cách kinh tế của Việt Nam là một tiến trình phức tạp, không bằng phẳng và đầy cam go, được phản ánh trong sự tiến hóa tư duy phát triển qua các giai đoạn.

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, mở cửa là thông điệp chính của chương trình Đổi mới năm 1986.

Đến giai đoạn 1990-2000, phát triển kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là thông điệp thay thế.

Từ năm 2001 đến nay, đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được khẳng định.

Không nghi ngờ gì rằng, thành tựu quan trọng bậc nhất của Đổi mới là việc chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao

Việt Nam có những nền tảng đề trở thành một quốc gia thịnh vượng. Yếu tố bảo đảm thành công cho Việt Nam - như kinh nghiệm 30 năm công cuộc đổi mới chỉ ra - phụ thuộc quyết định vào việc lựa chọn con đường phát triển.

cấp dựa trên nền tảng nền kinh tế nông nghiệp - nông dân cổ truyền sang kinh tế thị trường, nhờ đó, đất nước thoát khỏi phương thức phát triển lạc hậu, biến quá trình này thành xu hướng không thể đảo ngược. Đây là kết quả của sự liên tục đổi mới tư duy phát triển, chuyển hóa sức mạnh của tư duy phát triển mới, phù hợp với xu hướng chung của thế giới, thành các thành tựu kinh tế hiện thực, cụ thể, biểu hiện ở mức tăng trưởng kinh tế cao, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, ngoại thương phát triển, thu hút nhiều FDI và ODA, chủ động và tích cực mở cửa, hội nhập kinh tế thế giới. Nhưng mặt khác, đó cũng là quá trình vật lộn với khó khăn, gian khổ để tiến lên, là cuộc đấu tranh cam go giữa lực lượng cải cách và các yếu tố bảo thủ.

Trên thực tế, ba năm sau đổi mới, kinh tế Việt Nam vẫn chưa thoát khỏi tình trạng khủng hoảng. Lạm phát các năm 1987 và 1988 vẫn ở mức 3 con số (323,1% và 393%). Nhưng kể từ năm 1989, nhiều chuyển biến thực tế quan trọng đã diễn ra. Nhà nước phân quyền sử dụng

và chuyển giao quyền sử dụng đất cho từng hộ gia đình theo Nghị quyết 10 (Khoán 10), xóa bỏ độc quyền Nhà nước trong hoạt động ngoại thương (cuối 1988). Đến năm 1989, chế độ tem phiếu và kiểm soát giá cả được bãi bỏ. 1989 là năm đầu tiên Việt Nam không những có đủ lương thực đáp ứng nhu cầu trong nước, mà còn xuất khẩu 1,4 triệu tấn gạo. Thành tựu này phản ánh sức mạnh giải phóng nội lực của cải cách đối với sản xuất nông nghiệp. Từ giữa năm 1989, lạm phát phi mã gần như ngừng hẳn. Tình trạng rối loạn trong phân phối, lưu thông hàng hóa cơ bản chấm dứt, môi trường vĩ mô bắt đầu ổn định.

Từ năm 1990, nhiều chính sách mới trở thành đòn bẩy đưa đất nước bước vào một giai đoạn mới, ổn định hơn. Sự ra đời của Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Thuế doanh thu, việc công nhận kinh tế tư nhân trong Hiến pháp năm 1992 đóng vai trò là những dấu mốc thay đổi thể chế nền tảng theo hướng thị trường.

Tăng trưởng kinh tế trong phân lớn thập niên 1990 đạt mức 8-





9%/năm. Thành tựu này có được là nhờ năng lực sản xuất và hiệu quả đầu tư được cải thiện dưới tác động của cải cách kinh tế.

Trong giai đoạn 1997-1999, kinh tế của Việt Nam bị sụt giảm mạnh về tốc độ tăng trưởng, một phần do các vấn đề cơ cấu bất đầu bệch, một phần do ảnh hưởng từ khủng hoảng tài chính Châu Á. Tuy nhiên, phải đến cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009, sau giai đoạn khôi phục tăng trưởng khá ngoạn mục dưới tác động trực tiếp mạnh mẽ của việc ký Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam-Hoa Kỳ, khi nền kinh tế Việt Nam bắt đầu thử thách năng lực hội nhập quốc tế với phép thử gia nhập WTO (2007), tốc độ trong kinh tế lại suy giảm mạnh; và đặc biệt những vấn đề cấu trúc của nền kinh tế ngày càng trở nên nghiêm trọng. Như vậy, sự thăng trầm kinh tế của nền kinh tế đổi mới bệch lộ rõ, mặc dù

xét cả chặng đường dài, những thành tựu phát triển kinh tế của Việt Nam trong suốt 30 năm qua là hết sức ấn tượng. Tính chung cho giai đoạn 1990-2010, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt bình quân 7,3% (IMF, 2011), chỉ thấp hơn mức tăng trưởng của Trung Quốc. Từ một nước nông nghiệp thuộc nhóm nghèo nhất thế giới, với mức GDP bình quân đầu người chỉ 98 USD, Việt Nam đã gia nhập nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp năm 2011. GDP bình quân đầu người năm 2013 đạt mức 1.910 USD (Dữ liệu WDI), bằng gần 7 lần năm 2000 và 9,5 lần năm 1986. Điểm nổi bật trong thành tựu tăng trưởng của Việt Nam không chỉ nằm ở tốc độ tăng trưởng cao, mà cả ở tính bao trùm (inclusive). Tỷ lệ nghèo từ mức trên 85% dân số (theo chuẩn nghèo 2USD/người, ngày) của năm 1993 giảm xuống còn khoảng 13% năm 2013; tình trạng

nghèo cùng cực (theo chuẩn 1,25 USD/ngày) gần như biến mất, trong khi bất bình đẳng tăng không đáng kể và vẫn nằm trong mức trung bình của thế giới.

Đổi mới cấu trúc ngành kinh tế

Tỷ trọng khu vực nông nghiệp trong cơ cấu GDP giảm nhanh, từ 47% năm 1988 còn 18-20% từ năm 2000 đến nay. Ngược lại, tỷ trọng công nghiệp tăng từ khoảng 23% vào cuối những năm 1980 lên gần 40% hiện nay. Tỷ trọng khu vực dịch vụ cũng tăng lên, nhưng mức tăng nhỏ và đóng góp của khu vực này trong cơ cấu GDP khá ổn định. Về cơ cấu lao động, số lao động nông nghiệp chiếm hơn 2/3 tổng số giai đoạn 1986-1990, đã giảm đều đặn xuống còn khoảng 46% vào năm 2013 (Dữ liệu WDI). Tỷ trọng lao động công nghiệp tăng tương ứng: mỗi năm có thêm 1 điểm phần trăm người

lao động chuyển ra khỏi khu vực nông nghiệp và được khu vực công nghiệp hấp thụ.

Mở cửa - hội nhập

Trước đổi mới, Việt Nam đã có quan hệ ngoại thương với thế giới, nhưng chủ yếu là với khối XHCN. Năm 1986, Việt Nam bắt đầu mở cửa ra với cả thế giới. Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987 khơi nguồn cho dòng vốn đầu tư và thương mại quốc tế. Năm 1993, Việt Nam bình thường hóa quan hệ với 3 định chế tài chính quốc tế lớn là WB, IMF và ADB.

Năm 1994, Việt Nam thoát khỏi cấm vận, thiết lập quan hệ ngoại giao bình thường với Hoa Kỳ.

Ngày 28/07/1995, Việt Nam gia nhập ASEAN.

Năm 1997, Việt Nam tham gia Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam-Hoa Kỳ (ký tháng 7/2000, có hiệu lực từ tháng 12/2001) là bước tiến tiếp theo trong tiến trình hội nhập.

Năm 2007, nền kinh tế tiến một bước lớn trong tiến trình hội nhập quốc tế khi gia nhập WTO.

Cuối năm 2014, Việt Nam hoàn thành đàm phán Hiệp định Thương mại tự do với Hàn Quốc, với Liên minh Hải quan Nga-Belarusia-Kazakhstan.

Sang năm 2015, Việt Nam kết thúc đàm phán TPP và Hiệp định Thương mại tự do với EU. Hội nhập quốc tế mang lại nhiều lợi ích cho phát triển kinh tế của Việt Nam, trước hết là ở việc giải phóng các nguồn lực và hình thành tư duy phát triển kinh tế mới. Các cam kết hội nhập đòi

hỏi Việt Nam phải dần xóa bỏ cơ chế bảo hộ, trợ cấp, minh bạch hóa hoạt động kinh doanh và các cơ chế chính sách, thúc đẩy xây dựng các chuẩn mực về tổ chức sản xuất, quản lý và văn hóa kinh doanh. Hội nhập cũng thúc đẩy việc chuyển nhượng vốn xuyên quốc gia, chuyển nhượng công nghệ, phương pháp tiếp cận thị trường và gia tăng năng lực cạnh tranh quốc gia do khu vực FDI tạo ra.

Nếu coi các sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD là sản phẩm chủ lực của Việt Nam, thì năm 2001 cả nước mới có 4 sản phẩm chủ lực. Năm 2010, số sản phẩm chủ lực đã tăng 5 lần. Đến năm 2010, số sản phẩm kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD tăng 5 lần, trong số này, có các nhóm sản phẩm công nghiệp - công nghệ cao. Năm 2014, cả nước có 7 nhóm sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu trên 5 tỷ USD. Tuy vậy, tăng trưởng kinh tế về dài hạn không thể dựa vào các sản phẩm có trình độ công nghiệp thấp hoặc trung bình và thâm dụng lao động. Thực trạng này cũng là bài toán Việt Nam cần lựa chọn giải pháp mới trong giai đoạn tiếp theo. Một trong những yếu tố thành công cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong đổi mới là thu hút FDI. Dòng vốn FDI bắt đầu vào Việt Nam sau khi Luật đầu tư nước ngoài được ban hành năm 1987. Thị trường mở cửa và môi trường kinh doanh được cải thiện tạo sức hút FDI mạnh mẽ. Tuy nhiên, vốn FDI chỉ thực sự trở thành một sức mạnh đáng kể từ năm 1991. Đến năm 1994, quy mô vốn FDI đã tương đương 10% GDP cả nước và đóng góp

đáng kể vào thành tích tăng trưởng cao trong những năm trước khủng hoảng tài chính châu Á. Trong làn sóng FDI đầu tiên, thời điểm đánh dấu là khi Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995 và FDI đạt đỉnh sau đó 1 năm. Điều tương tự diễn ra khi Việt Nam gia nhập WTO năm 2007 và FDI đăng ký đạt mức cao nhất vào năm 2008.

Đến giữa thập kỷ 1990, doanh nghiệp FDI đóng góp 1/4 tổng giá trị sản xuất công nghiệp và hơn 6% GDP. Mười năm sau, các tỷ trọng tương ứng là 43,8% và 15,99%

Khu vực FDI đã vượt lên trên khu vực nội địa về giá trị sản xuất công nghiệp từ năm 2014, vượt lên về kim ngạch xuất khẩu từ năm 2004 và hiện đã chiếm tới gần 70% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nền kinh tế.

Cũng phải thấy rằng tỷ lệ vốn FDI thực hiện trong nhiều năm là không cao, cũng không có xu hướng tăng tương ứng với lượng vốn đăng ký. Điều này một mặt có nguyên nhân khách quan là những biến động kinh tế thế giới, nhưng mặt khác cũng phản ánh một thực tế là vẫn còn những trở ngại trong môi trường kinh doanh của Việt Nam. Sự suy giảm dòng vốn FDI sau năm 1996 đã được dự báo và chỉ ra nguyên nhân là do môi trường đầu tư chậm được cải thiện, những hạn chế của hệ thống quản lý kinh tế - hành chính dần bộc lộ (WB, 1997). Ở xu hướng suy giảm FDI sau năm 2008, tăng trưởng kinh tế nhanh được hỗ trợ bởi sự mở rộng tín dụng và cung tiền quá nóng trong những năm trước đó đã gây ra những trục trặc cấu trúc làm cho



môi trường vĩ mô không ổn định. Điều này làm yếu khả năng hấp thụ vốn FDI. Điều tích cực nằm ở tính ổn định của giá trị giải ngân FDI, xung quanh mức 11-12 tỷ USD mỗi năm trong giai đoạn từ năm 2008 đến nay.

Những thành tựu khác

Ngoài những thành tựu ấn tượng về tăng trưởng kinh tế, cấu trúc kinh tế cũng như trong giảm nghèo, công bằng xã hội như trên đây, chặng đường 30 năm Đổi mới cũng chứng kiến nhiều thành tựu lớn của Việt Nam trong các lĩnh vực khác. Năm 2012, Việt Nam tham gia Chương trình đánh giá học sinh quốc tế (PISA) do OECD thực hiện với kết quả hết sức ấn tượng: Việt Nam xếp thứ 17/65 quốc gia được khảo sát về năng lực toán học (đạt 511 điểm), cao hơn mức bình quân 494 của các nước OECD, thậm chí cao hơn một số quốc gia phát triển khác như Anh, Pháp, Ý, Hoa Kỳ hay Israel. Thực tế này cho thấy, tiềm năng trí tuệ của người Việt Nam

là rất to lớn. Nhưng điều đó cũng bộc lộ rõ thứ quốc gia còn thiếu là cách thức phát triển và sử dụng tiềm năng đó.

Việt Nam hoàn thành sớm Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDG) về giảm nghèo đói. Mục tiêu MDG giảm một nửa số người có mức thu nhập dưới 1 USD (giá PPP)/ngày trong giai đoạn 1990-2015 đã được hoàn thành năm 2008, khi tỷ lệ này giảm xuống còn 4,1% từ mức 39,9% năm 1993. Từ khoảng 30% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch vào năm 1990, sau hai thập kỷ tỷ lệ này lên tới 83%. Ở mục tiêu phổ cập giáo dục, tỷ lệ nhập học tiểu học năm 2009 đạt 95,5%, tỷ lệ hoàn thành tiểu học 88,2% và tỷ lệ dân số trong độ tuổi 15-24 biết đọc, viết là 97,1%.

Trong lĩnh vực y tế, tỷ lệ dân cư được bảo hiểm y tế tăng nhanh trong mấy năm gần đây, đạt 60% vào năm 2010 (dữ liệu WB), và 68% năm 2012. Bước tiến là rất đáng kể nếu nhìn lại giai đoạn 1990-2005, khi cả nước chỉ có 20-30% số người nằm

trong vùng bao phủ bảo hiểm y tế. Nhiều khả năng Việt Nam sẽ đạt mục tiêu quốc gia bảo hiểm toàn dân ở mức 70% vào năm 2015, và đạt 80% sau đó 5 năm. Trong số những người khám chữa bệnh, tỷ lệ người được bảo hiểm y tế hoặc có sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí đã tăng từ 37,4% lên 72,1% trong giai đoạn 2004-2012. Đáng chú ý là tỷ lệ này của nhóm 1 (nhóm 20% người có thu nhập thấp nhất) cao hơn các nhóm khác và đạt hơn 70% từ năm 2006.

Tăng trưởng liên tục trong Chỉ số Phát triển Con người (HDI) của Việt Nam là một bằng chứng khác cho thấy những thành tựu của quá trình cải cách. Tăng trưởng thu nhập cùng những thành tựu trong tạo môi trường bình đẳng trong giáo dục, chăm sóc y tế được chuyển hóa đầy đủ trong sự tăng trưởng của chỉ số HDI. Chỉ số này đã tăng liên tục từ mức 0,463 vào năm 1980 lên mức 0,638 vào năm 2013; trong đó, giai đoạn 1990 - 2000 có tốc độ tăng trưởng cao hơn cả.■

Động lực cho chặng đường...

Điều thuận lợi rất quan trọng hiện nay là Việt Nam đang hội nhập. Thực chất, chúng ta đang ảnh hưởng nhiều từ nước ngoài. Trong kinh tế thì ảnh hưởng này khá nhanh, đặc biệt là với doanh nghiệp, chẳng hạn ảnh hưởng về thương mại, về quản trị, về điều hành của thị trường chứng khoán... Chúng ta cũng học được nhiều từ các công ty nước ngoài đến đây đầu tư...

Với quản trị quốc gia, chúng ta cũng có thể nhìn thế giới để

học. Học mới hiểu tại sao trên thế giới chỉ phí cơ hội thấp như vậy, tại sao người ta thiết kế một quy trình minh bạch, một hệ thống luật pháp rõ ràng và thực thi dễ như vậy? Những vấn đề trên rất cần phải học, dù sức ép nó không lớn như kinh tế.

Một thuận lợi nữa, đó là niềm hy vọng vào thế hệ người Việt Nam mới, với những con người được học tập ở nước ngoài. Thế hệ người Việt Nam này ngày càng nhiều và ngày càng hội

nhập sâu với thế giới. Đầu óc của họ tương đối mở, không bị trói buộc bởi những giáo điều, không bị giam hãm bởi những quan niệm xưa cũ.

Quan niệm xưa cũ, cách nghĩ, cách tư duy cũ cũng chính là khó khăn lớn nhất đang cản trở quá trình cải cách của chúng ta.

*Xin trân trọng cảm ơn ông!
Chúc ông một năm mới vạn sự như ý!■*

ĐINH THU HIỀN (thực hiện)

(Tiếp theo trang 12)

Hội nhập kinh tế quốc tế - Những ấn tượng qua 30 năm đổi mới



TS. LÊ QUỐC PHƯƠNG

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Hội nhập kinh tế quốc tế là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu trong quá trình hội nhập quốc tế của nước ta. Trong 30 năm đổi mới, tiến trình này đã có những bước đi khá vững chắc và đạt được kết quả rất đáng khích lệ.

Việt Nam đã mở rộng quan hệ kinh tế với hàng loạt quốc gia và khu vực, trở thành thành viên của các tổ chức kinh tế, thương mại chủ chốt, tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng hiệu quả hơn.

Chúng ta cũng đã khắc phục được tình trạng khủng hoảng thị trường do các đối tác truyền thống ở Liên Xô và các nước Đông Âu bị thu hẹp đột ngột, và do tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực bắt đầu từ năm 1997. Một thành tựu nổi bật là đã thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài khá lớn, trước hết là FDI. Việt Nam đã thu hút được hơn 8.000 dự án FDI từ 80 nước và lãnh thổ với tổng số vốn đăng ký hơn 100 tỷ USD. Nhiều nhà đầu tư lớn, các tập đoàn xuyên quốc gia đã và đang đặc biệt quan tâm đến Việt Nam. Tại các Hội nghị tư vấn tài trợ cho Việt Nam, tổng cam kết tài trợ liên tục tăng, từ 4,4 tỷ USD năm 2006 đến hơn 7,9 tỷ USD năm 2010.



Đến nay, nước ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 185 nước và đang tăng cường hợp tác để đưa các quan hệ đối tác chiến lược với 13 nước, đối tác toàn diện với 11 nước trong đó có cả 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và nhiều cường quốc hàng đầu khu vực. Chúng ta có quan hệ kinh tế - thương mại và đầu tư với hơn 220 quốc gia và vùng lãnh thổ; là thành viên chính thức của trên 70 tổ chức quốc tế và khu vực, trong đó có tất cả các tổ chức và định chế thương mại, tài chính chủ chốt ở khu vực cũng như trên thế giới.

Quá trình gần 30 năm hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực, có những tác động sâu đến kinh tế và xã hội; tiếp cận thị

trường xuất nhập khẩu dễ dàng hơn, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng nhanh, môi trường kinh doanh được cải thiện và minh bạch hơn, thế và lực của Việt Nam trên trường thế giới ngày càng được nâng cao.

Xuất, nhập khẩu trở thành động lực chính của nền kinh tế

Sự tích cực, chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian qua đã giúp Việt Nam có điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu dựa trên những lợi thế cạnh tranh: Nguồn tài nguyên phong phú, nguồn lực lao động dồi dào, giá rẻ và sự ổn định chính trị và kinh tế - xã hội...

Xuất khẩu đã không ngừng tăng trưởng cả về quy mô và tốc độ và trở thành động lực chính, quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế.

Về quy mô, kim ngạch xuất khẩu không ngừng tăng, đóng góp một phần quan trọng vào sự tăng trưởng GDP. Nếu năm 1986, tổng kim ngạch xuất khẩu mới đạt 789 triệu USD, thì năm 2014 đã cao gấp 170 lần đạt trên 150 tỷ USD, trong đó thủy sản gấp 65 lần; hạt tiêu gấp 44 lần; hạt điều gấp 210 lần; rau quả gấp 24 lần. Một số mặt hàng tuy vào các thời kỳ sau mới xuất khẩu, nhưng năm 2014 đã đạt quy mô



lớn, trong đó có 23 mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD. Có một số mặt hàng đứng thứ hạng cao trên thế giới.

Năm 2015, nếu tăng 10% như chỉ tiêu kế hoạch đề ra, thì tổng kim ngạch xuất khẩu sẽ vượt qua mốc 165 tỷ USD, đạt mức kỷ lục mới và vượt xa mục tiêu đề ra trong kế hoạch 5 năm (128 tỷ USD). Quý 1/2015, đã có 9 mặt hàng đạt trên 1 tỷ USD.

Kể từ sau khi gia nhập WTO đến nay, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt quy mô lớn và tốc độ tăng trưởng cao (trừ năm 2009 tốc độ tăng trưởng âm). Xuất khẩu hàng hóa/GDP vào năm 1988 mới đạt 18,9%, thì năm 2014 đã đạt 77,6%, tăng 4,1 lần và thuộc loại khá cao trên thế giới. Nếu tính cả xuất và nhập khẩu/GDP đã đạt 155,2%; nếu tính cả xuất khẩu dịch vụ thì đạt 169,1%, nằm trong top 5 nước có tỷ lệ cao nhất thế giới.

Việt Nam đã chuyển vị thế từ nước nhập siêu lớn sang xuất siêu. Năm 1976, Việt Nam nhập siêu 801,4 triệu USD với tỷ lệ nhập siêu so với xuất khẩu lên đến 360%. Theo số liệu của Tổng Cục Hải Quan, từ năm 2012 đến nay, Việt Nam đã xuất siêu hàng hóa (năm 2012 xuất siêu 780 triệu USD, năm 2014 nhẩy vọt lên 2,14 tỷ USD - mức cao nhất từ trước tới nay). Cán cân thương mại được cải thiện, cùng một số yếu tố khác đã góp phần cải thiện cán cân thanh toán, tăng dự trữ ngoại hối, tăng an toàn tài chính và thanh khoản của quốc gia.

Điều đó chứng tỏ độ mở của nền kinh tế Việt Nam thuộc loại khá rộng.

Về cơ cấu, mặt hàng xuất

khẩu ngày càng phong phú, đa dạng, có nhiều nhóm hàng “chủ lực” đạt kim ngạch lớn. Cơ cấu mặt hàng mấy năm nay đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: Tỷ trọng hàng thô hoặc mới sơ chế giảm (từ 55,8% năm 2000 xuống còn khoảng 30% năm 2014), tỷ trọng hàng chế biến hoặc đã tinh chế tăng (tương ứng từ 44% lên 67%); trong nhóm hàng chế biến, hoặc đã tinh chế, hàng có kỹ thuật, công nghệ cao hơn (như điện thoại, máy vi tính, máy ảnh, máy quay phim, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải...) tăng cao hơn.

Về thị trường xuất khẩu, năm 1986 hàng Việt Nam mới có mặt ở 33 nước và vùng lãnh thổ, thì đến nay, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã có mặt trên thị trường 220 nước và vùng lãnh thổ, hầu hết các châu lục, chủ yếu là châu Á. Các thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn của Việt Nam là Hoa Kỳ, EU, ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Trong đó, có 28 nước và vùng lãnh thổ đạt từ 1 tỷ USD trở lên (Hoa Kỳ 24 tỷ USD, Nhật Bản 14 tỷ USD, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 13,5 tỷ USD, Hàn Quốc 6,7 tỷ USD...).

Về dịch vụ, xuất khẩu dịch vụ năm 2014 đạt 11 tỷ USD, cao gấp gần 2,7 lần năm 2005, bình quân năm tăng 12%, là tốc độ khá cao. Khả năng, quy mô xuất khẩu dịch vụ sẽ tiếp tục tăng tốc do Việt Nam mở cửa, hội nhập nói chung và mở cửa, hội nhập về dịch vụ nói riêng ngày một sâu rộng hơn. Hiện nay, Việt Nam đã nhanh chóng phát triển một số ngành dịch vụ như: Bưu chính, viễn thông, hàng không, hàng hải, tài chính, ngân hàng,

du lịch... Phát triển xuất khẩu đã góp phần tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, nhất là đối với khu vực nông thôn. Phát triển xuất khẩu cũng có tác dụng tích cực trong việc nâng cao trình độ của người lao động và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về hoạt động nhập khẩu hàng hóa, cũng gia tăng mạnh mẽ. Từ 1995 đến 2014, kim ngạch nhập khẩu đã tăng 19 lần, từ 8,1 tỷ USD lên 148 tỷ USD.

Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, chiếm đến trên 80% tổng kim ngạch nhập khẩu; hàng tiêu dùng chiếm khoảng 10%, còn lại các hàng hóa khác. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu nhiều hơn khu vực kinh tế trong nước.

FDI và ODA - khu vực năng động và thúc đẩy tăng trưởng

FDI: Kể từ khi Luật Đầu tư trước tiếp nước ngoài có hiệu lực (năm 1988), FDI vào Việt Nam ngày càng tăng cả về dự án, vốn đăng ký và số nước, vùng lãnh thổ. Tính đến hết năm 2013, đã có khoảng 100 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với 17.434 dự án, tổng số vốn đăng ký hơn 268 tỷ USD, vốn thực hiện đạt xấp xỉ 112 tỷ USD. Xét tỷ lệ trên GDP, Việt Nam thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài lớn hơn 5 lần so với Trung Quốc hay Ấn Độ trong 5 năm qua.

Khu vực doanh nghiệp FDI là khu vực luôn năng động và có đóng góp đáng kể trong sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. FDI đang tăng dần tỷ trọng



trong GDP. Báo cáo tổng kết 25 năm FDI của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phân tích, tỷ lệ đóng góp của FDI vào GDP đã tăng từ 2% GDP năm 1992 lên 12,7% năm 2000; 16,98% (năm 2006); 18,97% (năm 2011) và nay là 20%. Thu ngân sách trong khối doanh nghiệp FDI tăng bình quân trên 20%/năm. Theo số liệu tại Bảng xếp hạng V1000 - Top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam, có tới hơn 30% trong bảng này là các doanh nghiệp FDI với 20.000 tỷ đồng thuế thu nhập.

Các dự án FDI đã tạo ra nhiều chỗ làm việc mới, góp phần làm giảm đáng kể nạn thất nghiệp. Tính đến nay, khu vực FDI tạo ra gần 3 triệu việc làm và tiền lương lao động của khu vực này luôn cao hơn mức trung bình cả nước.

Trong hoạt động xuất khẩu, từ năm 2003, xuất khẩu của khu vực FDI bắt đầu vượt khu vực trong nước và dần trở thành nhân

tổ chính thúc đẩy xuất khẩu, đóng góp tới 66,87% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước vào năm 2013. Mười tháng đầu năm 2014, khu vực FDI xuất khẩu 82,5 tỷ USD, tăng 13,6%, đóng góp 67% vào tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước và vẫn liên tục xuất siêu.

ODA: Tính từ năm 1993 đến hết năm 2013, tổng vốn ODA cam kết đạt 80.776 triệu USD, giải ngân đạt 40.367 triệu USD, tương đương với 3,36% GDP.

Đến nay, ở Việt Nam đã có trên 50 nhà tài trợ song phương và đa phương đang hoạt động, cung cấp nguồn ODA và vốn vay ưu đãi cho hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Mặc dù nguồn vốn ODA chỉ chiếm khoảng 4% GDP, song lại chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bình quân chiếm khoảng 15-17%). Điều này rất có ý nghĩa trong bối cảnh ngân sách

nhà nước dành cho đầu tư phát triển của ta còn hạn hẹp, trong khi nhu cầu phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lại rất lớn.

FDI và ODA vào Việt Nam đã góp phần thúc đẩy tăng GDP, tăng vốn đầu tư phát triển xã hội, tăng kim ngạch xuất khẩu, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và góp phần giải quyết các vấn đề xã hội ...

Hạn chế

Thứ nhất, nền kinh tế Việt Nam hiện nay còn phát triển thiếu bền vững. Cơ cấu kinh tế chậm chuyển dịch theo hướng hợp lý và hiệu quả. Tình trạng phát triển dàn trải, không có trọng tâm của nền kinh tế trong điều kiện các nguồn lực hạn chế đang kìm hãm khả năng tăng trưởng vượt bậc và bền vững.

Thứ hai, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung còn thấp. Cụ thể,



năng lực cạnh tranh tổng hợp của Việt Nam năm 2013/2014 chỉ xếp thứ 70/148, thấp hơn 11 bậc so với năm 2010/2011. Khả năng tích lũy vốn, nhân lực và tiến bộ công nghệ của Việt Nam còn rất khiêm tốn, biểu hiện ở mức năng suất lao động thấp và trình độ công nghệ của đa số doanh nghiệp còn khá lạc hậu.

Thứ ba, mặc dù hoạt động thu hút nguồn vốn FDI đã đạt được những kết quả khả quan và có những đóng góp nhất định đối với nền kinh tế, nhưng khu vực doanh nghiệp FDI vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Thị trường và đối tác FDI của Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nước châu Á. Đầu tư từ Hoa Kỳ, EU và những nước OECD khác vào Việt Nam còn rất khiêm tốn nếu so với FDI của các nước đổ vào Thái Lan, Indonesia, Singapore, Malaysia. Tình trạng chuyển giá đã được phát hiện trong những năm gần đây gắn với tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Có hiện tượng một số nhà đầu tư nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam máy móc, thiết bị cũ, công nghệ lạc hậu, gây nên tình trạng tiêu hao nhiều năng lượng, ô nhiễm môi trường, không đảm bảo an toàn lao động. Việc chuyển giao công nghệ, sáng chế phát minh, giải pháp kỹ thuật từ doanh nghiệp FDI vào Việt Nam chưa tương xứng với vốn đầu tư, nhất là trong những ngành công nghệ cao như công nghiệp điện tử, ô tô, xe máy.

Thứ tư, các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng quan hệ trong các lĩnh vực khác chưa được triển khai đồng bộ, nhịp

nhàng trong một chiến lược tổng thể. Cơ chế chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình hội nhập từ Trung ương đến địa phương, giữa các ban, ngành còn nhiều bất cập. Chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng chậm được cải thiện. Năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập.

Thứ năm, tình trạng nhập siêu kéo dài liên miên. Chỉ từ 2012, Việt Nam mới có xuất siêu nhưng mang tính không bền vững bởi xuất khẩu tăng chủ yếu đến từ các doanh nghiệp FDI, chứ không phải là kết quả của sự thay đổi cơ bản trong cơ cấu xuất nhập khẩu. Nhưng hoạt động sản xuất của các DN FDI đã gần đạt đến ngưỡng công suất dự kiến. Cụ thể, năm 2012, DN FDI tăng xuất khẩu đến 31% nhưng năm 2013 chỉ tăng 22% và giảm xuống còn 12% trong năm nay. Tăng trưởng của nhóm DN FDI chủ yếu là mặt hàng điện thoại di động, như năm 2012 tăng đến 126% so với 2011, song đến năm 2013 tốc độ tăng chững lại với 45,3%, 10 tháng đầu năm 2014 chỉ tăng 6% so với cùng kỳ. Khi đã đạt được mức sản xuất nhất định, khả năng tăng trưởng của DN FDI sẽ không cao như các năm trước. Trong khi khối DN trong nước vẫn nhập siêu. Nhiều khả năng nhập siêu sẽ trở lại trong năm tới.

Thứ sáu, kinh tế phụ thuộc nhiều vào Trung Quốc. Nhập siêu từ Trung Quốc với quy mô lớn không ngừng tăng qua các năm, với tốc độ rất nhanh, từ khoảng 200 triệu USD năm 2001, lên đến 28,9 tỷ USD vào năm 2014, tăng 144 lần. Nhập

khẩu từ nước này đang trực tiếp phục vụ cho hoạt động sản xuất thường ngày (bao hàm cả ý nghĩa cung cấp công nghệ) của các doanh nghiệp nằm trong lãnh thổ Việt Nam. Chỉ 20% kim ngạch nhập khẩu là hàng tiêu dùng. Điều này tác động lâu dài đến khả năng nâng cấp công nghệ của doanh nghiệp bản địa. Có khả năng Việt Nam rơi vào hiệu ứng giải công nghiệp hóa sớm khi chỉ xuất khẩu được sang Trung Quốc các hàng hóa dựa vào tài nguyên và nhập khẩu hàng công nghiệp chế tạo thành phẩm. Về lâu dài, sẽ làm suy giảm năng suất của Việt Nam dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Việt Nam nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu thô để sản xuất. Điều này sẽ khiến cho hàng xuất khẩu của Việt Nam không được nằm trong danh mục miễn thuế theo các FTA do vi phạm quy tắc xuất xứ hàng hóa.

Nguyên chính dẫn tới nhập siêu với Trung Quốc là do hệ thống chính sách định hướng, từ tỷ giá, lãi suất, đất đai, hệ thống động lực... Hệ thống chính sách đã làm cho cơ cấu kinh tế sai lệch, không khuyến khích sản xuất trong nước, làm các ngành công nghiệp luôn nằm ở đáy của chuỗi giá trị.

Cuối cùng, trong quá trình hội nhập quốc tế, cũng như các nước đang phát triển khác, nước ta phải chịu sự ràng buộc của các quy tắc kinh tế, thương mại, tài chính - tiền tệ, đầu tư... chủ yếu do các nước phát triển áp đặt; phải chịu sức ép cạnh tranh bất bình đẳng và sự điều tiết vĩ mô bất hợp lý của các nước phát triển hàng đầu. ■

Ba điểm sáng nổi bật trong phát triển kinh tế Việt Nam 2015

 **TS. NGUYỄN MINH PHONG** - Chuyên gia kinh tế

GDP vượt mức kế hoạch cả năm và cao nhất 5 năm qua

Theo Ngân hàng ANZ, năm 2015, Việt Nam được đánh giá là “ánh sáng hiếm hoi” trong bức tranh ảm đạm của hầu hết các nền kinh tế mới nổi và là một trong ba nền kinh tế hứa hẹn về tăng trưởng ở châu Á. Sau 3 năm liên tiếp 2011, 2012 và 2013 không đạt kế hoạch GDP, năm 2014, Việt Nam đạt kế hoạch tăng GDP, còn năm 2015, GDP tăng hơn 6,68%, tức cao nhất và lần đầu tiên trong 5 năm qua vượt mức kế hoạch đặt ra là 6,2%. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2015 đạt khoảng 204 tỷ USD, bình quân đầu người 2.228 USD (tính theo sức mua ngang giá là trên 5.600 USD). Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP chiếm 82,5%. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn 45%. Đầu tư công giảm từ 35,5% năm 2010 xuống còn khoảng 30% năm 2015, đầu tư của dân cư và doanh nghiệp trong nước tăng từ 36,1% lên 42%. Quy mô thị trường chứng khoán tăng, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt khoảng 33% GDP và thị trường trái phiếu đạt khoảng 23% vào cuối năm 2015. Điều cần nhấn mạnh là, so sánh 4 năm qua cho thấy, tốc độ tăng GDP nhanh hơn tốc độ tăng vốn đầu tư xã hội hàng năm, tức hệ số sử dụng vốn đầu tư (ICOR) và hiệu quả đầu tư xã hội chung đang được cải thiện tích cực; cụ thể: năm 2015, tổng vốn đầu tư toàn xã hội bằng khoảng 31,2% GDP theo giá hiện hành, trong khi tốc độ tăng GDP là hơn 6,5%, so với con số tương ứng năm 2014 là bằng 31% GDP và 5,98% GDP; năm 2013 là 30,4% GDP và 5,42% GDP; năm 2012 là 33,5% GDP và 5,03% GDP...

Lạm phát thấp nhất trong 14 năm, nợ xấu thấp nhất 5 năm qua

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2015 tăng 0,07% so với tháng trước; tăng 0,58% so với tháng 12/2014 và tăng 0,34% so với cùng kỳ năm 2014. Chỉ

số CPI bình quân 11 tháng năm nay tăng 0,64% so cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tháng 11/2015 tăng 0,05% so với tháng trước và tăng 1,72% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 11 tháng năm 2015 tăng 2,08% so với bình quân cùng kỳ năm 2014 và thấp nhất trong 14 năm qua. Lạm phát thấp chủ yếu do hiệu ứng của chính sách đầu tư công; sự tuân thủ quy luật lưu thông tiền tệ; nỗ lực cải thiện môi trường và giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp; gia tăng các hoạt động khuyến mãi, giảm giá, quản lý thương mại và hoạt động bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu, cũng như do giá nhập khẩu nhiều nguyên liệu đầu vào thế giới.

Kiểm soát nợ xấu tín dụng ở Việt Nam có cải thiện tích cực theo hướng cơ cấu và quy mô nợ xấu được nhận diện chính xác và đầy đủ hơn, giảm về tỷ lệ và gia tăng các biện pháp xử lý quyết liệt, toàn diện và mang tính thị trường hơn. Việt Nam đã nói “room” sở hữu và điều kiện kinh doanh bất động sản cho người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tăng kiểm soát giảm thiểu quy mô, mặt trái của tình trạng sở hữu chéo và tình trạng sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ cho phép, tăng sự minh bạch trong hoạt động kinh doanh ngân hàng; thúc đẩy các hoạt động sáp nhập, hợp nhất, mua lại các TCTD trên nguyên tắc tự nguyện và bắt buộc theo quy định của pháp luật, trong đó có cả việc NHNN mua lại 3 NHTM với giá 0 đồng; khuyến khích mua bán nợ và công cụ nợ phái sinh trên thị trường thứ cấp; Mở rộng khả năng cho Công ty Mua bán nợ (VAMC) tiến hành mua-bán nợ xấu theo đúng giá trị và cơ chế thị trường; tăng trần hạn mức tín dụng và cho phép khoanh nợ, giãn nợ và xóa một số khoản nợ xấu, mở rộng cho vay và nói lỏng hơn điều kiện vay...

Dư nợ tín dụng tăng 17%, cao nhất kể từ năm 2011. Nợ xấu ngân hàng giảm còn khoảng 2,9% tổng dư nợ toàn ngành so với mức trên 17% năm 2011. Cán cân thanh toán quốc tế thặng dư khá cao; dự trữ ngoại hối



năm 2015 đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Tổ chức Xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings (Fitch) tháng 11/2015 công bố đánh giá tín nhiệm nhà phát hành nợ dài hạn bằng ngoại tệ và nội tệ (IDRs) của Việt Nam ở mức BB- với triển vọng ổn định. Thâm hụt ngân sách trong năm 2016 sẽ là 5,4% GDP.

Môi trường kinh doanh, chỉ số cạnh tranh và kinh tế đối ngoại có nhiều khởi sắc rõ rệt

Năm 2015, môi trường và cơ hội kinh doanh Việt Nam có sự cải thiện đáng kể nhờ sự ảm trở lại của thị trường bất động sản, tăng sức mua thị trường trong nước và giảm nhẹ chi phí kinh doanh, giảm thuế, giảm mặt bằng lãi suất cho vay sự gia tăng tự do hóa đầu tư (giảm từ 49 còn 6 lĩnh vực hạn chế đầu tư); Đặc biệt, từ 01/7/2015, khi Luật Đầu tư 2014 chính thức có hiệu lực, có tới 3.299 điều kiện kinh doanh tại các thông tư, quyết định của các bộ, ngành bị bãi bỏ và hết hiệu lực thi hành trong số 6.475 điều kiện kinh doanh thuộc các cấp độ khác nhau. Từ nay, chỉ có 3 cơ quan gồm Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ mới có quyền ban hành các quy định về điều kiện kinh doanh. Năm 2015, ngành Thuế đã giảm thêm 50 giờ nộp thuế của doanh nghiệp (hiện còn 117 giờ, bằng mức trung bình khu vực ASEAN-6). Hiện tại, hơn 98% các doanh nghiệp đã kê khai thuế qua mạng; trên 80% doanh nghiệp đã nộp thuế theo phương thức điện tử; hơn 98% kim ngạch xuất nhập khẩu đã được thông quan điện tử.

Những cải thiện môi trường đầu tư ở Việt Nam đã được thế giới ghi nhận. Việt Nam tăng 3 bậc so với năm trước, xếp thứ 90/189 quốc gia, trong Báo cáo chỉ số Môi trường kinh doanh (Doing Business 2016) do WB công bố ngày 28/10/2015; với cải thiện ở 5 chỉ số: Khởi sự kinh doanh (tăng 6 bậc, từ 125 của năm ngoái lên thứ hạng 119); tiếp cận điện năng (tăng 22 bậc, từ 130 lên 108); tiếp cận tín dụng (tăng 8 bậc, từ 36 lên 28); nộp thuế (tăng 4 bậc, từ 172 lên mức 168).

Đặc biệt, Việt Nam tăng 12 bậc (xếp thứ 56) so với năm ngoái (xếp thứ 68) trong cáo báo cáo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) về năng lực cạnh tranh (GCR) 2015-2016 vừa công bố hôm 29/9/2015.

Theo Báo cáo Tổng cục Thống kê, Chỉ số năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) giai đoạn 2011-2015 của Việt Nam đạt bình quân 28,94%/năm. Năng suất lao động tăng bình quân 3,8%/năm. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam năm 2015 tăng 19

bậc so với năm 2010.

Năm 2015 chứng kiến những sự kiện lớn về kinh tế đối ngoại của Việt Nam, như ký FTA Việt Nam-Liên minh Hải quan Nga-Belarus-Kazaxstan; kết thúc chính thức đàm phán FTA Việt Nam-Hàn Quốc, FTA Việt Nam EU và TPP; hình thành AEC. Đến nay, Việt Nam đã mở rộng quan hệ thị trường thương mại tự do với 55 quốc gia và nền kinh tế, trong đó có 15 quốc gia trong Nhóm G-20. Việt Nam cũng đã được 59 quốc gia công nhận có nền kinh tế thị trường...

Thu hút FDI đang có sự cải thiện rõ rệt cả về vốn đăng ký mới, vốn mở rộng và vốn thực hiện, cũng như cơ cấu lĩnh vực và chủ đầu tư. Tính đến 20/11/2015, cả nước có 1.855 dự án FDI mới, tổng vốn đăng ký 13,55 tỷ USD, tăng 30% về số dự án và tăng 1,1% về số vốn so với cùng kỳ năm 2014; có 692 lượt dự án mở rộng vốn đạt 6,67 tỷ USD. Tổng vốn đăng ký mới và vốn mở rộng đạt 20,22 tỷ USD, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước. FDI thực hiện ước đạt 13,20 tỷ USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm 2014.

Khu vực doanh nghiệp trong nước ghi nhận sự cải thiện rõ rệt cả về số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; số vốn đăng ký và số vốn tăng thêm và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, cùng số việc làm mới của các doanh nghiệp thành lập mới. Số doanh nghiệp gặp khó khăn buộc phải tạm ngừng hoạt động giảm, thể hiện sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp và hiệu quả của các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 và Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 về hỗ trợ doanh nghiệp... Tính chung 11 tháng, cả nước có 86.853 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký là 538,7 nghìn tỷ đồng, tăng 28,1% về số doanh nghiệp và tăng 37,7% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2014. Bên cạnh đó, có 742,2 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm. Số lao động dự kiến được tạo bởi các doanh nghiệp thành lập mới tăng 32,9% so với cùng kỳ năm 2014. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 18.646 doanh nghiệp, tăng 31,2% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh là 8.468 doanh nghiệp, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, với số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 62.713 doanh nghiệp, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm trước, dù vì nhiều lý do khác nhau, song cũng cho thấy bức tranh khu vực doanh nghiệp trong nước không chỉ có màu hồng.■

Có nhiều cơ sở để kỳ vọng về một nền kinh tế ổn định và phát triển trong năm 2016



TS. CAO SỸ KIÊM

Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

Trong không khí đón chào năm 2016, xin được hỏi ông một câu quen thuộc: ông nhận định như thế nào về những thành tựu của kinh tế Việt Nam năm 2015?

Năm 2015 là năm hội tụ kết quả của việc giải quyết các vấn đề bức xúc từ nhiều năm trước đây. Những kết quả đó được thể hiện ở một số thành tựu nổi bật sau đây:

Thứ nhất, nền kinh tế đã dần dần khôi phục lại sau nhiều năm gặp khó khăn. Theo Báo cáo của Chính phủ, trong số 14 chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 tại Nghị quyết Quốc hội, có 13 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, chỉ có 1 chỉ tiêu không đạt kế hoạch là tỷ lệ che phủ rừng.

Thứ hai, doanh nghiệp đã phát triển trở lại khi nhiều vấn đề bức xúc đã được giải quyết. Doanh nghiệp trong nước đã vượt qua khó khăn, chớp thời cơ và đã trở lại thị trường. Song song với việc giải quyết các vấn đề bức xúc, chúng ta đã bước đầu giải quyết các vấn đề lâu dài như: cơ cấu lại nền kinh tế, sắp xếp lại hệ thống ngân hàng, đầu tư công, doanh nghiệp. Đây cũng là nhân tố làm cho tăng trưởng ổn định.

Thứ ba, vấn đề thể chế - một trong 3 đột phá chiến lược đã được giải quyết. Hàng loạt các

luật bao gồm kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng... đã được sửa đổi và thực hiện khẩn trương hơn. Có thể nói, đến bây giờ những luật không phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh, xã hội, tư pháp, hội nhập đã được giải quyết cơ bản bằng việc sửa đổi để ăn nhập với thông lệ quốc tế và giải quyết những bức xúc của đất nước. Đây là thành tựu quan trọng góp phần lớn giúp nước ta ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát.

Thứ tư, năm 2015 chúng ta đã ký hàng loạt các hiệp định đa phương, song phương, thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN, kể cả các hiệp định đòi hỏi yêu cầu rất khắt khe như TPP... Việc ký kết và đàm phán thành công đã nâng vị thế của Việt Nam và mở ra giai đoạn mới trong thời kỳ hội nhập sâu rộng. Bên cạnh đó, những việc chúng ta đã nỗ lực từ nhiều năm trước thì đến năm 2015 đã được phát huy như: cấu trúc hạ tầng giao thông, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tư pháp... đã hỗ trợ kinh tế phát triển, nâng vị thế Việt Nam lên cao và có tiếng nói đóng góp xứng đáng trên trường quốc tế.

Thứ năm, chúng ta đã bảo vệ được chủ quyền đất nước, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, căng

thẳng với các nước, đặc biệt là các nước lớn.

Đó là những thành công, vậy thưa ông, đâu là những khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm qua?

Với 5 thành tựu lớn nhất của Việt Nam trong năm 2015, theo tôi chúng ta đang bắt đầu bước vào thời kỳ ổn định, khôi phục và phát triển. Tuy nhiên, về tổng thể, nền kinh tế nước ta vẫn còn ba điểm nghẽn lớn:

Điểm nghẽn lớn nhất hiện nay là khoảng cách về công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, hạ tầng, năng suất lao động, khả năng cạnh tranh, chất lượng hàng hóa... còn rất xa so với khu vực và trên thế giới. Ngay trong khối ASEAN, Việt Nam vẫn bị đánh giá thuộc nhóm kém nhất cùng với Lào, Campuchia và Myanmar. Đây là khoảng trống rất lớn của nền kinh tế Việt Nam.

Điểm nghẽn thứ hai là chất lượng nguồn nhân lực. Đội ngũ nhân lực của nước ta từ lãnh đạo, người làm công tác lập pháp, hành pháp đến người lao động trên các lĩnh vực còn rất hạn chế về trình độ chuyên môn, khả năng kinh doanh, quản lý, quản trị trong khi chúng ta đã bước vào thời kỳ hội nhập cao hơn, sâu



hơn, toàn diện hơn. Khoa học - công nghệ lạc hậu, kinh doanh nhỏ lẻ, không đồng bộ kết hợp với lao động thủ công, năng suất thấp đã làm cho hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế không lớn mạnh.

Điểm nghẽn thứ ba chính là vấn đề công khai minh bạch, hiệu quả, hiệu lực thấp, trách nhiệm của các cơ quan quản lý với sản xuất kinh doanh và với nền kinh tế chưa cao làm cho các doanh nghiệp mất thời cơ, không tiếp cận được những cái mới hoặc cản trở các doanh nghiệp phát triển. Hơn thế nữa, Nhà nước đã có đường lối chủ trương đúng đắn, phù hợp nhưng khi thực hiện lại không phối hợp nhịp nhàng, cái trước cái sau không phản ánh được thực tiễn, không đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và người dân. Việc tuyên truyền, giải thích, nâng cao nhận thức cho người lao động và doanh nghiệp hiểu được các hiệp định bao gồm nội dung, lộ trình, cách làm, điểm mạnh, điểm yếu... không được chú trọng. Vì thế, các nhà quản lý, nhà nghiên cứu vẫn luôn nói rằng hội nhập sâu rộng tạo ra thời cơ nhưng cũng rất khắc nghiệt trong khi doanh nghiệp trong nước và người lao động vẫn chưa hiểu rõ và chưa có sự chuẩn bị kịp thời.

Một điểm khó khăn nữa mà chúng ta không thể không nhắc tới chính là việc nằm sát cạnh Trung Quốc và có quan hệ với rất nhiều nước lớn trên thế giới. Trong tình hình diễn biến kinh tế, chính trị như hiện nay, việc chúng ta có thể phát triển và vươn lên phụ thuộc rất nhiều vào nền kinh tế và cả những chính sách đối ngoại của các nước như Mỹ, khối EU, Trung Quốc, Nhật. Làm thế nào để chèo

lái được giữa những thế lực rất lớn và đan xen với nhau về quyền lợi như vậy là một khó khăn rất lớn đối với Việt Nam.

Vậy, với nền tảng của năm 2015, chúng ta sẽ đón đợi những gì từ nền kinh tế Việt Nam trong năm 2016 và những giai đoạn tiếp theo, thưa ông?

Bước sang năm 2016, chúng ta có nhiều cơ sở để có thể kỳ vọng vào một nền kinh tế ổn định và phát triển: Kinh tế đã khôi phục và tăng trưởng; cơ sở hạ tầng, môi trường pháp lý đã hoàn thiện và phù hợp hơn với giai đoạn mới; doanh nghiệp bắt đầu lấy lại lòng tin và kiểm soát tốt. Việc gia nhập rất nhanh với AEC, TPP và rất nhiều hiệp định thương mại khác đã nâng vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, kể cả về chính trị, kinh tế, ngoại giao. Đây là những điểm rất đáng hy vọng và có chuyển biến nhanh so với các năm qua, kết quả của 30 năm đổi mới cùng với sự nỗ lực của 2015 là nền tảng để nước ta đi lên. Tất nhiên, cơ hội sẽ song hành với thách thức và điều quan trọng là chúng ta cần phải làm gì, tận dụng cơ hội như thế nào?

Điều quan trọng nhất ở thời điểm này vẫn là hoàn chỉnh môi trường pháp lý theo hai hướng: Một là, đảm bảo theo Hiến pháp mới; hai là, đảm bảo thông lệ quốc tế. Một khi đã có môi trường pháp lý thì bước tiếp theo là phải áp dụng vào thực tiễn để giải quyết những vấn đề còn tồn tại qua nhiều năm. Cuối cùng là phải đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực có chuyên môn cao, dám nghĩ dám làm, có đạo đức, trách nhiệm. Không có đủ nhân lực thì không thể cạnh tranh và hội nhập. Ba vấn đề này phải được thực



hiện đồng bộ, yếu chỗ nào, thiếu điểm nào cũng sẽ khiến nền kinh tế không tiến lên được, ngược lại còn thua ngay trên "sân nhà" khi cánh cửa hội nhập đã rộng mở.

Đối với riêng doanh nghiệp, theo tôi đây là thời điểm nước rút để tự đánh giá lại chính mình, sở trường, sở đoản, yếu do bên ngoài hay bên trong... Doanh nghiệp hơn lúc nào hết phải tìm hiểu, nhận thức một cách chính xác và đầy đủ về cơ chế chính sách, luật lệ mới, nhất là các FTA, AEC, TPP. Có như vậy, doanh nghiệp mới khai thác được lợi thế để tập trung làm, xây dựng chiến lược kinh doanh, chiến lược sản xuất sát với những yêu cầu của thị trường. Đặc biệt, doanh nghiệp phải quan sát thị trường thế giới, nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ để khai thác điểm mạnh, định hướng thị trường nào dành cho mình, hàng hóa nào sẽ hiệu quả. Đây là những việc doanh nghiệp phải tự nỗ lực, Nhà nước chỉ có thể hỗ trợ về thể chế, môi trường pháp lý, điều hành có trọng tâm trọng điểm, nhịp nhàng. Nhà nước và doanh nghiệp cần phải hợp lực để cùng sửa chữa những thiếu sót và phát huy những điểm mạnh.

Xin trân trọng cảm ơn ông! ■
NGUYỄN LY (thực hiện)

Điều đặc biệt của diễn biến chỉ số giá tiêu dùng năm 2015

 **TS. VŨ ĐÌNH ÁNH - Bộ Tài chính**

D diễn biến Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2015 thật đặc biệt khi chỉ dừng lại ở mức tăng 0,6% so cùng kỳ năm trước và bình quân cả năm tăng 0,63% - thấp xa so với mục tiêu kế hoạch CPI tăng 5% đặt ra từ đầu năm. Ngay từ những tháng đầu năm, trái ngược với quy luật thông thường, CPI liên tiếp tháng 1 và tháng 2 không những không tăng mà còn giảm nhẹ bất chấp tính chất mùa vụ lễ, Tết như nhiều năm gần đây và kéo dài chuỗi giảm CPI 4 tháng liên tục. Tín hiệu CPI cả năm tăng thấp đã sớm được phát ra sau khi CPI cả năm 2014 cũng chỉ tăng có 1,84% (bình quân tăng 4,09%). CPI các tháng tiếp theo cũng chỉ tăng nhẹ dưới 0,2% (ngoại trừ CPI tháng 6 tăng 0,35%), thậm chí còn giảm tiếp trong tháng 8 và tháng 9. Theo đó, CPI hàng tháng hầu như không thay đổi suốt cả năm 2015 với biên độ dao động vốn vụn 0,56% khiến cho mặt bằng giá cả ổn định một cách vững chắc và CPI bình quân tăng không quá 1% trong xu thế giảm mạnh từ mức đỉnh 18,62% thiết lập hồi tháng 11/2011.

Hiện tượng CPI hàng tháng liên tục dao động quanh mốc 0% tương tự chỉ được quan sát thấy vào năm 2001 và khi đó CPI cả năm cũng chỉ tăng 0,8%. Nếu những nhóm hàng hóa vốn dẫn dắt sự tăng giá khiến cho CPI lên cao các năm trước như hàng ăn và dịch vụ ăn uống, nhà ở và vật liệu

xây dựng, giao thông thì trong năm 2015 lại dẫn dắt sự ổn định giá, thậm chí còn giảm xuống. Cụ thể CPI nhóm giao thông giảm mạnh nhất tới xấp xỉ 12% trong khi CPI nhóm lương thực giảm hơn 1% và CPI nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm hơn 1,5%. Tương phản với mức tăng vốn vụn 1,48% của CPI nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống hay mức tăng 3,29% của CPI nhóm may mặc, mũ nón, giày dép - nhóm hàng hóa thiết yếu và chiếm tỷ trọng lớn trong rổ hàng hóa dịch vụ tính CPI - lại chính là nhóm giáo dục với mức tăng CPI cao nhất tới 6,45%; đặc biệt CPI nhóm dịch vụ giáo dục tăng tới 7,03% trong khi CPI nhóm thuốc và y tế lại chỉ tăng có 2,14%. Rõ ràng, chính sách liên quan đến dịch vụ giáo dục và y tế đang tác động mạnh tới cơ cấu tăng giá của mỗi nhóm hàng hóa dịch vụ trong rổ tính CPI và theo đó tác động tới cơ cấu chi tiêu của các hộ gia đình Việt Nam khi so với kỳ gốc năm 2009, CPI nhóm dịch vụ giáo dục dẫn đầu tốc độ tăng với mức 231,54% và CPI nhóm dịch vụ y tế chiếm vị trí thứ hai với mức tăng 229,28%. Mức tăng cao của CPI nhóm dịch vụ y tế và giáo dục càng rõ ràng khi đặt trong mối tương quan cũng so với kỳ gốc năm 2009, CPI của nhóm lương thực chỉ tăng 144,13% hay CPI nhóm giao thông cũng chỉ tăng 128,33% hoặc CPI nhóm bu

chính viễn thông thậm chí còn giảm gần 13%.

Rõ ràng khoảng cách quá xa giữa mục tiêu lạm phát với CPI thực tế cả năm 2015 chứng tỏ công tác dự báo và điều hành lạm phát thiếu đồng bộ. Lạm phát năm 2015 quá thấp một cách bất ngờ, vượt mọi dự đoán mặc dù tín hiệu lạm phát thấp đã xuất hiện ngay từ những tháng đầu năm chứng tỏ vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô tác động tới CPI và lạm phát năm 2015 đã không được phát huy một cách rõ ràng. Theo đó, CPI và mức độ lạm phát năm 2015 là "tốt" nhưng chưa "đẹp". Mối tương quan lạm phát chỉ 0,6% - mức thấp nhất kể từ năm 2001 đến nay, còn GDP lại tăng trưởng 6,68% - mức cao nhất kể từ năm 2007 đến nay - có thể là một ví dụ điển hình cho thấy mối quan hệ rất lỏng lẻo giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát ở nước ta. Nguyên nhân cơ bản là mô hình tăng trưởng không thay đổi nên lạm phát và tăng trưởng GDP vận động tương đối độc lập với nhau dưới tác động của những yếu tố khách quan là chủ yếu.

Theo Tổng cục Thống kê, CPI năm 2015 tăng thấp chủ yếu do: (i) Nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước dồi dào trong khi sản lượng lương thực của thế giới tăng cùng sự cạnh tranh của các nước xuất khẩu gạo lớn nên xuất khẩu gạo của Việt Nam gặp khó

khăn dù giá xuất khẩu luôn thấp hơn các nước. Bình quân 11 tháng năm 2015, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam giảm 30,74 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước; (ii) Giá nhiên liệu trên thị trường thế giới giảm mạnh dẫn đến giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh giảm. Giá dầu Brent bình quân năm 2015 giảm tới 45,6% so với năm 2014. Giá gas sinh hoạt trong nước bình quân năm 2015 cũng giảm 18,6% so với năm 2014; (iii) Mức độ điều chỉnh giá của nhóm hàng do Nhà nước quản lý như dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế cũng thấp hơn các năm trước. Trong mức tăng CPI chung cả năm 2015, giá dịch vụ y tế đóng góp 0,1% còn giá dịch vụ giáo dục đóng góp 0,4% trong khi giá điện điều chỉnh tăng 7,5% từ 16/3/2015 đã đóng góp 0,14%.

Rõ ràng, nguyên nhân chủ yếu khiến cho CPI năm 2015 tăng quá thấp không bắt nguồn từ phía cầu khi tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vẫn tăng 9,5% so với năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 8,4%, cao hơn mức tăng 8,1% của năm 2014). Theo đó, tiêu dùng cuối cùng tăng 9,12% so với năm 2014 còn tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 12% so với năm 2014 - tương đương 32,6% GDP đi đôi với tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tăng 8,1% và tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tăng 12% so với năm 2014 (nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 18,9%, cao hơn mức tăng 13,2% của năm 2014). CPI năm 2015 bị chi phối bởi sự sụt giảm đồng loạt của giá sản xuất và xuất, nhập khẩu so với năm trước, cụ thể: (i) Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất



hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 0,28%; (ii) Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng công nghiệp giảm 0,58% ; (iii) Chỉ số giá cước vận tải, kho bãi năm 2015 giảm 3,26% so với năm 2014, chủ yếu do giá cước dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ giảm mạnh ở mức 6,02%; (iv) Riêng chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 1,28%; (v) Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa giảm 3,79%, riêng giá dầu thô giảm 52,98%, xăng dầu giảm 49,83%, cao su giảm 24,13%, than đá giảm 10,04%, dây điện và dây cáp điện giảm 8,2%, sắt thép giảm 7,55%,... ; (vi) Chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa năm 2015 giảm 5,82% so với năm 2014, trong đó, khí đốt hóa lỏng giảm 42,35%, xăng dầu giảm 40,36%, cao su giảm 17,91%, sắt thép giảm 15,55%, phân bón giảm 14,06%, chất dẻo nguyên liệu giảm 12,99%, thức ăn gia súc và nguyên liệu giảm 10,74%,...

Trong bối cảnh đó, mặc dù tính đến 18/12/2015, tăng trưởng tín dụng đã lên đến 17,02% so với cuối năm 2014 - mức tăng cao nhất kể từ năm 2011 và huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng

13,49%, tổng phương tiện thanh toán tăng 13,6% đồng thời tỷ giá hối đoái được điều chỉnh tăng cao hơn mức cam kết 2-3%, theo đó Chỉ số giá USD cuối năm 2015 tăng 5,34% so với cùng kỳ năm 2014 và bình quân năm 2015 tăng 3,16% so với năm 2014 song tốc độ tăng CPI vẫn không thể vượt qua ngưỡng 1% tuy lạm phát cơ bản tháng 12/2015 tăng 1,69% so với cùng kỳ năm trước và bình quân năm 2015 tăng 2,05% so với năm 2014.

Như vậy, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2016 khoảng 6,5-7% thì lạm phát tốt nhất nên ở mức 3-4% - mức có thể tạo động lực thúc đẩy cả sản xuất cũng như tiêu dùng. Theo đó, quản lý và điều hành lạm phát năm 2016 nên hướng đến mục tiêu này. Nếu không gia tăng mức độ tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô vào lạm phát nói chung và CPI nói riêng thì CPI năm 2016 có thể tiếp tục duy trì ở quanh mức tăng 1% do các yếu tố khách quan từ thị trường quốc tế vẫn theo xu thế lạm phát thấp, thậm chí tiếp tục giảm giá ở một số hàng hóa chiến lược thiết yếu tương tự như năm 2015. ■

Kỳ vọng vào một thị trường vốn phát triển hơn khi hội nhập



TS. CÁN VĂN LỰC

Phó TGD, cố vấn cao cấp Chủ tịch HĐQT BIDV



Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã chính thức quyết định nâng lãi suất lần đầu tiên trong gần một thập niên, theo ông việc này tác động như thế nào đến Việt Nam?

Trước hết, việc nâng lãi suất của FED đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Chúng ta thấy thế giới tăng điểm bởi họ đã chờ đón động thái này từ lâu. Việc tăng lãi suất cũng tác động đến dòng dịch chuyển vốn,

tỷ giá của đồng Nhân dân tệ, chi phí đi vay, chi phí huy động vốn bằng đồng USD. Đặc biệt, động thái này cũng khiến cho nợ nước ngoài của nhiều nước trong giai đoạn vừa qua tăng rất nhanh. Với riêng Việt Nam, theo tôi có 4 tác động cơ bản:

Thứ nhất là, tạo áp lực mạnh mẽ hơn đối với tỷ giá của Việt Nam đồng bởi một số nước đã điều chỉnh tỷ giá trong những ngày vừa qua. Như vậy, từ đầu năm và có thể là cả năm 2016,

áp lực về tỷ giá của chúng ta sẽ rất lớn.

Thứ hai là, chi phí huy động vốn sẽ bị tăng lên bởi chi phí huy động vốn nước ngoài của chúng ta hiện nay bao gồm cả nợ công và nợ doanh nghiệp để vay USD. Tất nhiên, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng lãi suất này tăng thì lãi suất khác giảm hoặc tỷ giá USD tăng nhưng giá trị đồng tiền khác lại giảm sẽ dung hòa phần hơn thiệt trong câu chuyện về nợ nước ngoài, nợ công.



Tác động thứ ba liên quan đến dòng vốn đầu tư. Hiện nay, khi FED tăng lãi suất như vậy, dòng vốn đầu tư sẽ dịch chuyển sang các nước ít rủi ro hơn và lãi suất cao hơn. Cụ thể, dòng vốn có thể quay về Mỹ hoặc quay về khu vực Châu Âu. Thời gian qua một số dòng vốn đầu tư vào các thị trường đang phát triển mới nổi cũng đã quay về các nước lớn và động thái này sẽ tiếp tục trong năm tới. Với Việt Nam, câu hỏi đặt ra là phải quản lý dòng vốn đầu tư ra vào như thế nào?

Tác động cuối cùng là việc tăng lãi suất chắc chắn sẽ có tác động đến giá dầu, giá vàng, đây là những thị trường có tác động nhất định đối với nền kinh tế Việt Nam.

Với những tác động như vậy, ông đánh giá như thế nào về việc điều hành chính sách tiền tệ trong thời điểm này?

Về tổng thể, theo tôi việc điều hành chính sách tiền tệ thời gian qua có thể rút lại thành mấy chữ: thắt chặt, chủ động, linh hoạt, sát với thị trường. Tất nhiên, với những thách thức lớn về điều hành chính sách tiền tệ như hiện nay, chúng ta vẫn phải nỗ lực hơn nữa. Hiện nay, quy mô nền kinh tế của Việt Nam đã lớn hơn, câu chuyện hội nhập đã lan tỏa rộng khắp và có ảnh hưởng rất lớn, việc FED tăng lãi suất đã tác động trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Khi chúng ta hội nhập, có rất nhiều cam kết trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và vấn đề đặt ra là chúng ta sẽ quản lý và giám sát như thế nào?

Tôi cho rằng có hai điểm quan trọng cần phải thực hiện, đó là: Thứ nhất, về lâu dài, Ngân

hàng Nhà nước phải tiếp tục nghiên cứu để giảm bớt các biện pháp hành chính bởi chúng ta đang tiến tới nền kinh tế thị trường với những đòi hỏi rất cao về hội nhập sâu rộng; Thứ hai, phải tiếp tục xây dựng, nâng cao năng lực để trở thành Ngân hàng Trung ương độc lập, hiện đại, cố gắng hướng tới điều hành lạm phát theo hướng lạm phát mục tiêu.

Nhiều chuyên gia cho rằng thị trường vốn Việt Nam phát triển không cân xứng, ông nghĩ thế nào về điều này?

Việc đánh giá thị trường vốn nước ta phát triển không cân xứng là hoàn toàn chính xác. Theo nghiên cứu của tôi, vốn tín dụng ngân hàng chiếm 75%, giá trị thị trường chứng khoán chiếm khoảng 14%, trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ chiếm khoảng 9%, lĩnh vực bảo hiểm chiếm khoảng 2%. Như vậy, nếu như so với các nước khác như: Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore, tỷ lệ cơ cấu thị trường vốn của họ khoảng 40-30-30 thì của chúng ta lại là 75-14-9, rất mất cân đối. Việt Nam đang cần các giải pháp để phát triển tập trung hơn vào thị trường vốn dài hạn, đặc biệt là thị trường trái phiếu và cổ phiếu, qua đó sẽ đa dạng hóa được nguồn vốn.

Ông đánh giá như thế nào về triển vọng thị trường vốn trong bối cảnh Việt Nam gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN?

Khi gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN, với riêng ngành tài chính - ngân hàng, chúng ta đã cam kết 4 lĩnh vực: Một là, tự do

hóa dịch vụ tài chính; Hai là, tự do hóa tài khoản vốn; Ba là, tự do hóa và phát triển thị trường vốn; Cuối cùng là, cùng nhau phát triển hạ tầng thị trường tài chính. Rõ ràng, đây là 4 lĩnh vực đã cam kết thì sẽ phải thực hiện. Bốn nước thuộc top đầu của ASEAN là Singapore, Malaysia, Thái Lan và Philippines về cơ bản đã hội nhập khá đầy đủ trong 4 lĩnh vực này; 4 nước kém phát triển nhất là Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar đang thực hiện theo lộ trình từ nay đến 2018 và có thể kéo dài hơn đến 2020. Đặc biệt, trong nội room cho đầu tư nước ngoài, Việt Nam cam kết đến năm 2018 sẽ mở cửa khoảng 70%.

Tôi cho rằng thị trường vốn trong thời gian tới sẽ tích cực bởi khi hàng loạt các hiệp định thương mại tự do được ký kết, kinh tế thế giới và Việt Nam được dự báo là tăng trưởng tích cực hơn so với năm 2015.

Việt Nam vẫn được coi là đất nước có môi trường đầu tư ổn định. Vì vậy, khi hội nhập dòng vốn đầu tư nước ngoài sẽ tăng cao. Dự kiến trong năm nay, đăng ký FDI đạt khoảng 22 tỷ USD và dòng vốn FDI đạt khoảng 14 tỷ USD. Trong năm tới, tôi cho rằng dòng vốn FDI sẽ tăng khoảng 10-15%. Tất nhiên, hoạt động đầu tư nước ngoài không thể sôi động như thời điểm chúng ta vừa gia nhập WTO nhưng cũng là mức tăng khá lý tưởng trong bối cảnh dòng vốn đầu tư đang dịch chuyển từ các nước đang phát triển mới nổi về các nước ổn định và phát triển hơn như Mỹ, khối EU.

Xin trân trọng cảm ơn ông!

HẢI LY (thực hiện)

Hội nhập và tái cơ cấu kinh tế sẽ tác động như thế nào tới thị trường bất động sản?



TS. TRẦN KIM CHUNG

Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Những tác động của hội nhập tới thị trường bất động sản

Hội nhập góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Cùng với việc ký kết TPP, Việt Nam tham gia toàn diện vào một khu vực kinh tế chiếm 40% GDP toàn cầu, đóng góp khoảng 300 tỷ USD mỗi năm vào tăng trưởng kinh tế toàn cầu và được xem là trọng tâm trong chính sách xoay trục của Mỹ ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Sự thành lập của AEC giúp Việt Nam tham gia vào “một cơ sở sản xuất chung và thị trường thống nhất” có quy mô khoảng 2,57 tỷ USD vào năm 2014. Bên cạnh đó, hội nhập giúp tăng cường vị thế của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế và các lĩnh vực thương mại dịch vụ, lao động, đầu tư... Hiện nay, Hiệp hội Chăn nuôi Đông Nam Bộ đang hoàn thiện thủ tục để chính thức khởi kiện bán phá giá gà đông lạnh Mỹ tại Việt Nam. Đây là bước đi đầu tiên, thể hiện sân chơi bình đẳng hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam trước các đối tác lớn như Mỹ. Ngoài ra, quá trình khi là thành viên đàm phán chính thức TPP là kinh nghiệm quan trọng cho Việt Nam trong việc đàm phán các FTA trong tương lai, đặc biệt trong xu hướng hình thành các FTA mới, bao hàm nhiều lĩnh vực như hiện nay.

Trong lĩnh vực bất động sản, việc mở cửa thị trường nhà ở cho người nước ngoài, Việt kiều và đón đầu TPP, trong 9 tháng đầu năm 2015, một dòng vốn lớn từ nước ngoài chảy vào thị trường bất động sản trong nước. Tính riêng thị trường địa ốc Tp. Hồ Chí Minh, 2 dự án FDI lớn trị giá 3,2 tỷ USD được ký kết tại khu đô thị mới Thủ Thiêm. Đối với hoạt động đầu tư gián tiếp, một số hoạt động đầu tư lớn trong 9 tháng đầu năm 2015 như: Tập đoàn Chow Tai Fook mua lại 4 tỷ USD giá trị cổ phiếu của Khu Nghỉ dưỡng cao cấp Nam Hội An; Quỹ Đầu tư tư nhân

Gaw Capital Partners (Hong Kong) mua lại 4 dự án ở Hà Nội, Đà Nẵng, Quảng Nam và Tp. Hồ Chí Minh từ Indochina Land;... Thu hút các dự án nước ngoài lớn (bao gồm cả đầu tư mới và đầu tư gián tiếp) góp phần phát triển các sản phẩm bất động sản theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo chất lượng, tiến độ cùng hệ thống hạ tầng, dịch vụ tiện ích đi kèm hoàn chỉnh. AEC hình thành được dự báo sẽ thu hút dòng vốn lớn vào thị trường bất động sản. Lĩnh vực bất động sản hiện đang là một trong những lĩnh vực đầu tư chính của các quốc gia ASEAN vào Việt Nam, chiếm khoảng 30% tổng vốn FDI. Một số dự án bất động sản lớn của các nước ASEAN tại Việt Nam trong thời gian qua như Khu đô thị Ciputra (Hà Nội) - liên doanh giữa nhà đầu tư Indonesia và Việt Nam; dự án EcoLake của SP Setia (Malaysia),...

Xét trên bình diện luồng tiền vào bất động sản, kiều hối là một luồng tiền có nhiều triển vọng nhất trong các luồng tiền. Hiện tại, bối cảnh chính sách cho kiều hối đang có những thuận lợi.

Một là, người nhận kiều hối được nhận bằng ngoại tệ. Đây là một lợi thế, một khác biệt cho người nhận kiều hối tại Việt Nam. Rất nhiều nước trên thế giới chỉ cho người nhận kiều hối được nhận tiền nội tệ.

Hai là, Nhà nước chưa đánh thuế thu nhập về nhận kiều hối. Đây cũng là một ưu đãi cho người nhận kiều hối Việt Nam.

Ba là, phí chuyển kiều hối hiện đang rất thấp, mức chi phí không quá 0,3% và tối đa là 200 USD.

Bốn là, Nhà nước vẫn tiếp tục khuyến khích người Việt Nam tham gia xuất khẩu lao động. Đây thực sự là một biện pháp tăng cung nguồn kiều hối về Việt Nam.

Năm là, Luật Nhà ở năm 2014 và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 về hướng dẫn Luật



Nhà ở đã hướng dẫn rất chi tiết, thuận lợi cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua và sở hữu nhà trên lãnh thổ Việt Nam.

Sáu là, Việt Nam vừa hoàn thành đàm phán TPP. Cùng với việc TPP được thông qua sẽ là một luồng vốn lớn vận hành vào Việt Nam, đi trước và đi cùng luồng tiền này là luồng kiều hối.

Bảy là, Việt Nam sắp tham gia sâu rộng vào AEC, vì vậy, một luồng kiều hối từ các nước này sẽ vận hành vào nền kinh tế Việt Nam để khai thác lợi thế đón đầu.

Tám là, Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách không truy suất nguồn gốc đối với nguồn kiều hối.

Nguồn vốn từ nhân nước ngoài vào thị trường bất động sản được kì vọng tăng trưởng cùng với việc Việt Nam sẽ gia nhập TPP và Luật Nhà ở cho phép mua và sở hữu nhà trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam. Đây là một luồng tiền có thể có bước đồng hành với luồng kiều hối. Tuy nhiên, đây vẫn là một ẩn số. Một khi luồng tiền này được kích hoạt, rất có thể một lượng lớn, với nhiều hình thức khác nhau, với nhiều công cụ khác nhau sẽ vận hành vào thị trường bất động sản Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài, cùng với việc Việt Nam tham gia TPP đã và đang có triển vọng tăng trưởng, nhất là lĩnh vực bất động sản. Tuy nhiên, trong năm 2015 và 2016, mức tăng trưởng đầu tư nước ngoài vào thị trường bất động sản cũng dao động ở mức ngưỡng, chưa đột biến. Tăng trưởng lớn có thể diễn ra sau 2016, khi Việt Nam chủ trì APEC. Điều này có thể sẽ có xu thế tương tự những năm 2006-2007. Luồng tiền này tác động vào cả cung và cầu của thị trường bất động sản Việt Nam.

Những tác động của tái cơ cấu đến thị trường bất động sản

Một là, tái cơ cấu kinh tế đã có những tác động rõ nét đến thị trường bất động sản. Trước hết, tái cơ cấu hệ thống tài chính đồng thời tái cơ cấu đầu tư công có tác động rõ nét đến thị trường bất động sản. Chính phủ đã vay Ngân hàng Nhà nước khoảng 30.000 tỷ đồng, nhằm bù đắp cho thiếu hụt chi tiêu và dự kiến hoàn trả trong năm 2015. Nợ công hiện đã tiệm cận mức trần an toàn. Theo Ngân hàng Thế giới, đến hết năm 2014, tổng nợ công của Việt Nam, bao gồm nợ Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương đã đạt 110 tỷ USD, tương đương 59% GDP. Theo dự báo của Bộ Tài chính, tỷ lệ nợ

công/GDP của Việt Nam đạt 64% vào năm 2015 và đạt 64,9% vào năm 2016 (ngưỡng an toàn là 65%). Nợ công cao đã kéo theo gánh nặng lớn cho ngân sách nhà nước. Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với tổng thu ngân sách năm 2014 đạt khoảng 25,9% và sang 2015 dự kiến ở mức 31,9% (vượt mức quy định 25%).

Hai là, nguồn thu ngân sách ngày càng bị bó hẹp. Từ năm 2010 đến 2014, tài trợ và thu ngân sách trung ương tại Việt Nam giảm từ 27,6% GDP xuống khoảng 21,5% GDP. Nguồn thu từ thuế giảm do việc cắt giảm thuế suất thuế nhập khẩu theo các FTA, giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 22% hiện nay xuống còn 20% từ 1/1/2016, bổ sung một số lĩnh vực được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, lĩnh vực chịu thuế 5% và 10%. Nguồn thu từ phát hành trái phiếu Chính phủ gặp nhiều khó khăn. 9 tháng năm 2015, khối lượng phát hành trái phiếu Chính phủ mới đạt 127.473 tỷ đồng, bằng 51% kế hoạch và bằng 60,6% so với cùng kỳ năm 2014.

Ba là, cân đối thu chi ngân sách đang gặp khó khăn. Bội chi ngân sách đã tăng từ mức 4,9% GDP năm 2008 lên đạt 5,3% GDP vào năm 2014 và dự kiến ở mức 5% năm 2015. Chi ngân sách chủ yếu là chi thường xuyên, chiếm trên 70% tổng chi ngân sách hàng năm, chỉ còn khoảng 30% ngân sách cho nghĩa vụ trả nợ và đầu tư xây dựng. Trong ngắn hạn, sức ép chi ngân sách tiếp tục tăng. Theo dự báo của Ủy ban Tài chính- Ngân sách của Quốc hội, năm 2016, dự báo chi ngân sách tăng 11%, trong khi thu ngân sách chỉ tăng 9,4%.

Bốn là, thu từ dầu thô giảm. Thu từ dầu thô nói riêng và thu từ ngành dầu khí hiện đóng góp khoảng 10% ngân sách nhà nước hàng năm. Giá dầu giảm có tác động đáng kể để thu ngân sách nhà nước. Giá dầu giảm 1 USD sẽ làm giảm thu ngân sách 1.000 tỷ đồng. Theo tính toán của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nếu giá dầu thô giảm về 40 USD/thùng, ngân sách nhà nước sẽ hụt thu khoảng 11,5 nghìn tỷ đồng. Trong năm tháng đầu năm 2015, thu từ xuất khẩu dầu thô đạt 1,54 tỷ USD, giảm 53,3% so với cùng kỳ năm 2014 - mức giảm mạnh nhất trong số các mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch hơn một tỷ USD của Việt Nam. Trong ngắn hạn, giá dầu được dự báo tiếp tục thể hiện xu hướng giảm, do lượng tồn kho được dự báo tiếp tục tăng đến hết quý IV/2016. Theo Ngân hàng Thế giới, giá dầu sẽ ở mức trung bình 52 USD/thùng trong năm 2015 và giảm xuống mức

trung bình 51 USD/thùng trong năm 2016. Thậm chí, giá dầu còn được nhận định có thể chạm mức 25USD/thùng.

Hiện tại, vấn đề chi đầu tư công đã được chỉ rõ, nguồn vốn đầu tư công đã gần đạt mức ổn định trong trung hạn. Nguồn vốn đầu tư công dần tiến đến điểm ổn định, không tăng lớn. Bên cạnh đó, luồng vốn đầu tư công của Nhà nước, cùng với Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về đầu tư công trung hạn, có thể thấy, nguồn vốn đầu tư công là không có đột biến trong 5 năm tới. Do vậy, nguồn tác động thứ cấp của đầu tư công đến thị trường bất động sản cũng không tăng đột biến mà chỉ đảm bảo ổn định. Chỉ có một nguồn có liên quan đến đầu tư công có thể được huy động mới là từ tác động của PPP. Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về phương thức hợp tác công tư đã khơi nguồn huy động vốn trong dân, cùng với nguồn vốn nhà nước để đầu tư, nhất là vào các công trình hạ tầng. Đây có thể là một hướng đi trong tương lai.

Tái cơ cấu ngân hàng cũng có tác động đến thị trường bất động sản. Ba ngân hàng được mua lại với giá 0 đồng. Một số ngân hàng được đưa vào diện kiểm soát đặc biệt (Ngân hàng Đông Á). Việc mua ngân hàng 0 đồng đã và đang có những luồng ý kiến khác nhau. Đây thực chất là việc chuyển các khoản lỗ, trách nhiệm đối với người gửi tiền, rủi ro nợ xấu từ phía ngân hàng sang Nhà nước. Về quan điểm tích cực, việc mua lại của Ngân hàng Nhà nước góp phần giúp các ngân hàng hoạt động tốt hơn, trên bình diện vĩ mô, giúp tránh đổ vỡ hệ thống ngân hàng, xử lý nợ xấu và tạo niềm tin cho người gửi tiền. Đến cuối năm 2015, thanh khoản của các ngân hàng này cơ bản được đảm bảo, dự trữ thanh khoản của Ngân hàng Xây dựng đã đạt khoảng 1.000 tỷ đồng, của Oceanbank đạt khoảng 7.000 tỷ đồng và GPbank đạt khoảng 3.000 tỷ đồng. Ngân hàng Nhà nước đã nói lỏng kiểm soát với các ngân hàng này. Tuy nhiên, một số rủi ro cũng được đặt ra đối với Nhà nước.

Một là, rủi ro huy động vốn nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của các ngân hàng. Tổng số vốn dự kiến của Ngân hàng Nhà nước cần khoảng 40.000 tỷ đồng. Đây là thách thức lớn cho ngân sách, đặc biệt trong bối cảnh ngân sách gặp nhiều khó khăn như hiện nay.

Hai là, rủi ro chậm thu hồi vốn, khó xử lý thậm chí mất vốn là khá cao do nợ xấu, khiến cho một ngân hàng đã phá sản về mặt kỹ thuật trở lại hoạt

động bình thường, có lãi để hoàn trả cho Nhà nước và vốn chủ sở hữu là một thách thức không nhỏ. Ngoài ra, vấn đề quản trị các ngân hàng để đảm bảo khả năng thu hồi vốn cũng là một khó khăn trong quá trình thực hiện. Nguồn tín dụng cho thị trường bất động sản từ hệ thống ngân hàng thương mại - nguồn vốn chủ lực cho thị trường bất động sản những năm 2006-2008, có thể thấy không có triển vọng tăng trưởng lớn. Trước hết, cùng với quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại đang đi vào chiều sâu, việc mở rộng tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại đối với thị trường bất động sản có thể thấy đã đạt đến ngưỡng. Các ngân hàng thương mại không có nhiều dư địa để mở rộng tín dụng. Rất nhiều ngân hàng đã và đang rút dần khỏi các đầu tư đối với bất động sản. Rất nhiều khoản vay của các ngân hàng bị đưa vào đối tượng xử lý đã và đang còn ảnh hưởng đến khả năng mở rộng tín dụng của hệ thống ngân hàng đối với thị trường bất động sản.

Tái cơ cấu hệ thống doanh nghiệp nhà nước cũng có tác động rất rõ đến thị trường bất động sản. Vấn đề là làm thế nào để đạt được tiến độ cổ phần hóa. Hay nói khác đi, làm thế nào để vừa bán được nhiều cổ phần, bán được nhanh cổ phần và bán được cổ phần với giá kỳ vọng. Khi cổ phần hóa khối lượng lớn, doanh nghiệp lớn đồng thời với thoái vốn ngoài ngành của hàng loạt doanh nghiệp. Cùng với sự ra đời của Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, là sự khẳng định việc thoái vốn, không đầu tư ngoài ngành (trong đó có bất động sản) của các doanh nghiệp nhà nước. Luồng tiền từ Nhà nước thông qua các doanh nghiệp nhà nước đã không chỉ không tăng mà còn giảm. Khi cổ phần hóa được công bố rõ ràng cùng lúc với ngân sách khó khăn, ngân hàng siết chặt hoạt động, thì luồng tiền nào cho thị trường bất động sản.

Tóm lại

Hội nhập và tái cơ cấu kinh tế có tác động nhân quả với nhau. Nếu hội nhập thành công thì nền kinh tế tự nó đã phải tái cơ cấu. Chỉ hội nhập thành công nếu các doanh nghiệp tái cơ cấu (tăng cường năng lực) thành công. Cả hai yếu tố này được triển khai trên thực địa là thị trường bất động sản, tác động của hai nội dung này chính là thành công của thị trường bất động sản. ■



Ban Kiểm toán Liên Hợp Quốc - thành tố quan trọng đảm bảo hoạt động minh bạch của tổ chức

 NGỌC QUỲNH

Kiểm toán trong bộ máy hoạt động của Liên Hợp Quốc (LHQ) là một chức năng giám sát quan trọng, là thành tố căn bản trong hệ thống quản trị mà các quốc gia thành viên thiết lập nhằm đảm bảo sự tuân thủ của tổ chức theo các quy định pháp lý, trách nhiệm giải trình đầy đủ đối với ngân sách công, tính hiệu quả trong các hoạt động của tổ chức và sự tuân thủ theo các tiêu chuẩn nghề nghiệp, liêm chính và đạo đức cao nhất của bộ máy nhân sự. Chức năng này được thực thi chủ yếu bởi Ban Kiểm toán LHQ, một cơ quan chuyên môn hạt nhân trong cơ cấu tổ chức của tổ chức lớn nhất hành tinh này.

Ban Kiểm toán của LHQ chính thức được thành lập năm 1946 theo quyết định của Đại hội đồng LHQ, theo đó thành viên bao gồm chủ tịch các Cơ quan kiểm toán tối cao (SAI) của 3 quốc gia có hơn 60 năm hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán độc lập cho Đại hội đồng LHQ. Công tác kiểm toán đó liên quan đến việc thẩm tra các tài khoản của LHQ và ngân sách cũng như các chương trình của LHQ, cung cấp các báo cáo của các cuộc kiểm toán tình hình tài chính, quản lý và giá trị bằng tiền. Mục tiêu bao quát của Ban Kiểm toán LHQ là tăng cường trách nhiệm giải trình của các đơn vị thuộc LHQ trong việc sử dụng các nguồn lực

công và giá trị gia tăng bằng cách xác định phương thức cải thiện việc cung cấp các dịch vụ công quốc tế.

Theo Nghị quyết số 74 ban hành ngày 7/12/1946, Ban Kiểm toán có chức năng kiểm toán các tài khoản của tổ chức LHQ và các chương trình, ngân sách của LHQ, từ đó báo cáo các phát hiện và khuyến nghị lên Đại hội đồng LHQ thông qua Ủy ban tư vấn các vấn đề hành chính và ngân sách. Theo Quy định và Quy chế tài chính của LHQ, Ban Kiểm toán hoàn toàn độc lập và chịu trách nhiệm tiến hành kiểm toán, giám sát công tác quản lý tổ chức nói chung.

Để thực hiện chức năng

nhiệm vụ này, Đại hội đồng đã bầu ra 3 thành viên, là Tổng kiểm toán của các nước thành viên. Các thành viên của Ban sẽ cùng chịu trách nhiệm về các cuộc kiểm toán. Việc bầu chọn này được thực hiện trên cơ sở 2 năm một lần tại phiên họp thường kỳ. Ba thành viên hiện nay của Ban Kiểm toán là ông Amyas Morse, Tổng Kiểm soát và Kiểm toán Vương Quốc Anh và Bắc Ireland, ông Mussa Juma Assad, Chủ tịch, Tổng Kiểm toán Cộng hòa Tanzania và ông Shashi Kant, Tổng Kiểm toán Ấn Độ. Chức chủ tịch của Ban Kiểm toán sẽ xoay vòng 2 năm một lần và hiện nay ông Mussa Juma Assad đang giữ chức chủ tịch cho nhiệm kỳ 2015-2016.

Ban Kiểm toán thực hiện các cuộc kiểm toán tuân thủ theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và theo các điều khoản tham chiếu bổ sung quy định trong phụ lục Quy chế tài chính của LHQ. Khi hoàn thành mỗi cuộc kiểm toán, Tiểu ban hoạt động kiểm toán sẽ thảo luận về dự thảo báo cáo kiểm toán đã lập. Dự thảo báo cáo kiểm toán sau đó sẽ được sửa đổi và chuyển tiếp lên người đứng đầu tổ chức để xin ý kiến. Dựa trên phản hồi nhận được, bản báo cáo cuối cùng sẽ được lập để các thành viên Ban Kiểm toán xem xét.

Các thành viên Ban Kiểm toán cũng đồng thời là thành viên của Ban kiểm toán viên bên ngoài của LHQ, là cơ quan hạt nhân chuyên môn của LHQ được thành lập năm 1959. Thông qua các cuộc họp thường niên của Ban, các thành viên sẽ trao đổi kinh nghiệm và quan điểm về các vấn đề chuyên môn hướng tới mục tiêu đạt được sự thống nhất trong hoạt động. Ban Kiểm toán còn thường xuyên tương tác với Văn phòng Dịch vụ Giám sát Nội bộ (OIOS) cũng như các cơ quan kiểm toán nội bộ trong Hệ thống của LHQ. Sự tương tác này được thực hiện dưới hình thức chia sẻ kế hoạch công tác, báo cáo quản trị và các cuộc hội đàm thường xuyên nhằm thảo luận các vấn đề cùng quan tâm.

Phiên họp gần đây nhất của Ban Kiểm toán là phiên họp thường kỳ lần thứ 69 tổ chức tại thành phố New York hồi cuối tháng 7 vừa qua. Tại đây, Ban Kiểm toán đã ký thông qua 28 báo cáo kiểm toán của LHQ.

Trong đó, 22 báo cáo sẽ được trình lên Đại hội đồng LHQ và 6 báo cáo còn lại sẽ được gửi tới các cơ quan chủ quản khác. Các báo cáo này chủ yếu xoay quanh hoạt động của các cơ quan quan trọng của LHQ như Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF), Viện Nghiên cứu và Đào tạo LHQ (UNITAR), Chương trình Định cư Con người LHQ (UN-Habitat), Chương trình Phát triển LHQ (UNDP)... Đồng thời, Ban Kiểm toán cũng ghi nhận những tiến bộ trong việc thực hiện các Chuẩn mực Kế toán công Quốc tế (IPSAS) và các kết quả tích cực trong các ý kiến kiểm toán theo đánh giá. Trong đó, nhấn mạnh sự cần thiết phải hoạch định các chính sách, phương pháp chiến lược và nguồn lực nhằm giải quyết những rủi ro về tham nhũng trong nội bộ hệ thống các cơ quan của LHQ. Dự kiến, phiên họp thường kỳ lần thứ 70 của Ban Kiểm toán sẽ được tổ chức vào ngày 26-27/7/2016.

Nhờ những phát hiện và khuyến nghị của Ban Kiểm toán, nhiều chương trình phát triển thuộc các lĩnh vực như CNTT, hỗ trợ người nghèo, an sinh xã hội, quân sự... đã được cải thiện về tính minh bạch và hiệu quả thực hiện. Điển hình như cuộc kiểm toán CNTT hồi tháng 7/2008, trong đó công bố hàng loạt yếu kém trong công tác quản lý của Hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu Galileo mà LHQ đang sử dụng, như giao diện mạng không an toàn, các biện pháp toàn vẹn dữ liệu bị vô hiệu hóa và không có người chịu trách nhiệm về tính bảo mật của thông tin. Hay

cuộc kiểm toán chương trình trợ cấp lương thực, thực phẩm cho Triều Tiên của LHQ năm 2010 đã ghi nhận những bất thường trong công tác quản lý tài chính và hàng hóa, dẫn đến việc đóng cửa văn phòng của UNDP tại Triều Tiên từ năm 2007 đến năm 2009. Đây là một trong những chương trình lớn của UNDP, cung cấp hỗ trợ trị giá hơn 1 tỷ USD cho Triều Tiên từ năm 2000. Cuộc kiểm toán đã chỉ ra một loạt các vấn đề như: dữ liệu không đồng nhất, hệ thống thông tin không tin cậy được sử dụng trong các báo cáo lưu chuyển hàng hóa, hàng tồn kho, công tác sử dụng lương thực và những kẽ hở trong quy trình quản lý tài chính... Hay vụ bê bối tham nhũng, hối lộ gần đây nhất hồi tháng 10/2015 liên quan đến Chủ tịch Đại hội đồng LHQ John Ashe, có thể coi là “cú sốc” gây chấn động đầu tiên trong lịch sử 70 năm của tổ chức lớn nhất hành tinh này. Theo đó, ông Ashe bị cáo buộc đã thực hiện sắp đặt các cuộc gặp giữa tỷ phú người Trung Quốc Ng Lap Seng với giới chức cấp cao của Antigua và Kenya để hỗ trợ thúc đẩy các dự án phát triển bất động sản và một loạt các hoạt động rửa tiền, hối lộ. Cuộc kiểm toán này là một trong những minh chứng cho thấy hiệu quả của chức năng kiểm toán tại LHQ trong việc giám sát sử dụng các nguồn lực công, từ đó tăng cường trách nhiệm giải trình và đảm bảo sự tuân thủ của tổ chức theo các quy định pháp lý.■

(Nguồn: United Nations JIU và UN News Center)



TÂM SỰ KIỂM TOÁN VIÊN TUỔI THÂN

LTS: Nhân dịp năm mới Bính Thân 2016 sắp tới, Đặc san Báo Kiểm toán xin đăng tâm sự của những kiểm toán viên tuổi Thân như một lời tri ân với ngành, với đồng nghiệp và gia đình về quãng thời gian đã công tác và cống hiến hết mình để hoàn thành tốt công việc được giao.

Thêm một chuyến công tác là thêm một lần “nặng lòng” với sứ mệnh được giao...



TRẦN HOÀNG HẢI

Kiểm toán Nhà nước khu vực III

Năng động, ham học hỏi, kiên định nhưng luôn có sự hoài nghi nghề nghiệp, thăng thăng, thích đấu tranh với sự bất công và giúp đỡ người khác là những tính cách đặc trưng của những người tuổi Thân. Có lẽ vậy mà nghề kiểm toán đã vận vào tôi - một kỹ sư xây dựng với 7 năm công tác trong lĩnh vực tư vấn thiết kế công trình, chưa hiểu gì về nghiệp vụ kiểm toán nhưng vẫn quyết tâm nộp hồ sơ xin chuyển công tác về KTNN (năm 2010).

Đến nay, sau hơn 5 năm gắn bó với nghề, bản thân thật sự cảm nhận được niềm vui, tình yêu nghề cũng như hiểu được ý nghĩa công việc mình đang làm. Nhiều người nghĩ rằng, nghề kiểm toán thật khô khan với chuỗi ngày tiếp xúc những con số vô hồn, đặc biệt kiểm toán trong lĩnh vực đầu tư dự án với bản vẽ, dự toán, định mức, đơn giá, với những kết quả thí nghiệm... nhưng thực tế không phải vậy. Chính những trải nghiệm qua thực tiễn công tác đã vun đắp tình yêu quê hương, lòng tự hào nghề nghiệp và nhất là làm cho người KTV có cái nhìn ngày càng nhân văn hơn đối

với cuộc sống. Bản thân tôi nhớ mãi và ấn tượng sâu sắc với chuyến công tác tại huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam năm 2012 (kiểm toán Chương trình Hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP và Chính sách Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg) và cuộc kiểm toán Chuyên đề giáo dục đào tạo tại huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi năm 2014. Nếu tại huyện Tây Giang, các KTV trong Tổ kiểm toán đã thật sự xúc động và thấu hiểu những khó khăn trong cuộc sống mưu sinh của người dân nơi đây, thì tại huyện Sơn Tây, chúng tôi lại khâm phục, kính trọng đối với sự hy sinh cao cả của những người thầy tình nguyện mang “cái chữ” đến với vùng cao. Qua những lần công tác như vậy, KTV càng “nặng lòng” hơn đối với sứ mệnh được giao, nhận thức sâu sắc hơn vai trò, ý nghĩa của công việc mình đang làm và kiên định hơn với mục tiêu mình đang theo đuổi vì một nền tài chính quốc gia lành mạnh.

Một số người nghĩ rằng,

nghề kiểm toán lấy việc phát hiện các sai sót của đơn vị được kiểm toán làm niềm vui, lấy con số xử lý tài chính làm thành tích - đó là những nhận định hết sức sai lầm. Người KTV thực thụ sẽ tìm thấy niềm hạnh phúc khi đơn vị được kiểm toán thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, không tồn tại những sai sót cho dù trong quá trình thực thi nhiệm vụ, KTV đã thực hiện kiểm toán bằng tất cả sự hoài nghi nghề nghiệp, bởi điều đó có nghĩa, từng đồng tiền ngân sách đã được trân trọng và sử dụng đúng mục đích, góp phần xây dựng quê hương, đất nước. Niềm vui của KTV là khi đơn vị được kiểm toán tiếp thu và khắc phục những kết luận và kiến nghị của KTNN để không bao giờ lặp lại vào các lần kiểm toán sau. Và hơn tất cả, người KTV chân chính phải luôn thận trọng cân nhắc, trăn trở, suy nghĩ về những phát hiện sai sót của đơn vị được kiểm toán. Cái tâm của người KTV chính là việc xét đoán, phân tích, đánh giá đúng nguyên nhân (khách quan hay chủ quan, vô tình hay cố ý) và

(Xem tiếp trang 38)

Khi đơn vị được kiểm toán chưa đồng thuận...

 **TRẦN VĂN HÒE** - Kiểm toán Nhà nước khu vực XII

Bốn năm công tác tại KTNN chưa phải là nhiều nhưng cũng đã cho tôi biết bao kỷ niệm. Có lẽ kỷ niệm khó quên nhất là khi thực hiện kiểm toán Chuyên đề Quản lý, sử dụng đất tại thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bởi quy mô, mức độ sai phạm, tình huống ngoài dự đoán đã diễn ra và cách giải quyết thấu tình, đạt lý của lãnh đạo KTNN khi đưa ra kết luận kiểm toán. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi đã phát hiện một số chủ trương, quy định của địa phương trái với Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành nhưng lại được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, số người hưởng lợi lên đến gần cả ngàn người. Chính vì chưa bị cơ quan nhà nước “tuýt còi” nên địa phương nghĩ rằng các quy định này là phù hợp với Luật Đất đai và thực tế của địa phương. Đứng trước các sai phạm có tính chất phức tạp, quy mô lớn, kéo dài qua nhiều năm đòi hỏi các đánh giá, kết luận, kiến nghị của KTNN phải hết

sức thận trọng, phù hợp thực tiễn và mang tính khả thi cao. Chúng tôi đã nghiên cứu rất kỹ các quy định của Luật Đất đai và các văn bản dưới Luật để đánh giá, kết luận và kiến nghị kiểm toán. Dù biết trước địa phương sẽ bảo vệ những sai phạm, nhưng một tình huống ngoài dự đoán đã xảy ra tại cuộc họp thông qua dự thảo Báo cáo kiểm toán, đó là lãnh đạo Tỉnh ủy đã “lấy uy” để nói rằng: “Nếu không cho phép tiếp tục thực hiện các chủ trương này thì địa phương sẽ có ý kiến với Trung ương Đảng, Chính phủ”. Trước yêu cầu trái Luật này, lãnh đạo KTNN chủ trì cuộc họp đã bình tĩnh, nhẹ nhàng phân tích, chỉ ra những sai phạm của địa phương; đồng thời khẳng định vị trí, vị thế của KTNN đã được hiến định tại Điều 118 Hiến pháp năm 2013, cho nên KTNN có trách nhiệm “thượng tôn pháp luật” để yêu cầu địa phương dừng ngay việc thực hiện bởi các quy định dù được tập thể thông qua nhưng trái pháp luật. Sau khi nghe lãnh

đạo KTNN phân tích, khẳng định, địa phương không có ý kiến và hoàn toàn “tâm phục, khẩu phục” với những kết luận và kiến nghị kiểm toán.

Từ kỷ niệm trên cũng như qua thời gian công tác tại KTNN, tôi nhận thấy, để nâng cao trình độ và uy tín của mình, các kiểm toán viên cần phải tự nghiên cứu, học hỏi đồng nghiệp để trau dồi chuyên môn nghiệp vụ; nắm vững các quy định của pháp luật có liên quan đến nội dung kiểm toán; tuân thủ các chuẩn mực, quy trình nghiệp vụ; cần có thái độ hoài nghi nghề nghiệp trong bất cứ hoàn cảnh nào; khi trao đổi, thảo luận cần phải hết sức nhẹ nhàng, điềm tĩnh, lắng nghe ý kiến giải trình, tránh gây căng thẳng, hiểu lầm không đáng có của đơn vị được kiểm toán... Có như vậy, các đánh giá, kết luận và kiến nghị kiểm toán mới khách quan, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị được kiểm toán và có tính khả thi cao, góp phần nâng cao chất lượng kiểm toán của KTNN.■

Thêm một chuyện công tác...

(Tiếp theo trang 37)

mức độ nghiêm trọng của các sai sót để đơn vị “tâm phục khẩu phục” và quan trọng hơn cả là tham mưu cho Đoàn kiểm toán có các kiến nghị xử lý “thấu tình đạt lý”, nhất là những kiến nghị có thể ảnh hưởng đến vận mệnh chính trị của một con người hay uy tín của một cơ quan, đơn vị được kiểm toán.

Nghề kiểm toán với những chuyện công tác dài ngày và bận rộn, chắc chắn người KTV cần phải có một chỗ dựa tinh thần, một hậu phương

vững chắc để vượt qua mọi khó khăn, nhất là các cám dỗ rất đời thường - điều mà mọi KTV luôn gặp phải khi thực hiện nhiệm vụ. Tôi luôn trân trọng và biết ơn những gì cuộc sống đã ban tặng cho bản thân: một người cha quảng đại, một người mẹ hy sinh, một người vợ đảm đang và những đứa con chăm ngoan... Họ đã, đang và sẽ luôn động viên, chia sẻ, ủng hộ tôi trong mọi hoàn cảnh để tôi yên tâm và cống hiến cho sự nghiệp chung của KTNN.■



VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Gửi em và năm mới

Mùa xuân đã mở cửa rồi
Trên tay ngày tháng, chân đời bước qua
Có em xanh cỏ đường nhà
Nắng nghiêng thêm cửa, màu hoa đỏ vườn

Tiếng chim gọi phía mùi hương
Trái cây chín tới tóc vương gối nằm
Đâu còn chỗ để xa xăm
Đêm chung hạnh phúc, tháng năm bên lòng

Quê nhà xanh một dòng sông
Để cho con sóng vỗ cong bãi bờ
Ngọt đầy thêm những giấc mơ
Những khi cay đắng, đợi chờ chông chênh

Đêm trao nhau cả đời mình
Hôn em nguyên vẹn bóng hình xưa sau
Ngàn năm hạt bụi về đâu
Vẫn xanh màu nước chân cầu mây trôi.

TỪ KẾ TƯỜNG

Hay là, bỏ phố về bên mẹ?

Hay là, bỏ phố về bên mẹ
Đi chăn trâu, cắt cỏ quanh làng
Chân bỏ guốc ngâm bùn mấy vụ
Nắng quê mình nhuộm rám màu da.

Hay bỏ phố, về nơi góc xóm
Tối đêm trăng đem trải chiếu hiên nhà
Khoai mẹ nấu còn nghi ngút khói
Gió qua vườn vừa đủ hát ngân nga.

Hay thế thật, hay là về với mẹ
Phố thì vui, nhưng phố cũng buồn
Có đôi lúc tủi thân mà găng gương
Bỏ một mình, đâu ai dám ảm ương.

Hay về nhé, về nơi xóm vắng
Bao năm đi vừa đủ để quay về
Không cam nữa, sang giàu hay tủi nhục
Đã về rồi, thôi buông hết mà ngoan.

BÍCH NGÀ

Cho người tháng giêng

Vắng giọt nắng chào từ biệt mùa đông
Em áo đỏ, tóc phiêu bông
Gió đi đâu? Cho ta theo với
Mắt đen lờm - em cười đấy, phải không?

Em nhón gót mùa xuân chừng tình nghịch
Thả lạnh canh tiếng guốc trước hiên đời
Ta mở cửa và ta thành ngọc tử
Luống cửi câu thơ... xanh giậu mừng toi.

Chắc em biết nên tháng Giêng cũng biết
Chớm môi cười trên những nụ đào phai
Em xuân đón mưa phùn bụi mỏng
Và ta cầm tay năm tháng rộng dài.

KHÁNH HẠ

Đầu năm, đọc lại bài ca dao “Đi chợ tính tiền”

 HỮU NGUYỄN

Những ai đã học qua bậc tiểu học từ trước năm 1954 không thể không nhớ bài học thuộc lòng: “*Một quan tiền tốt mang đi, nàng mua những gì hãy tính cho ra?*”. Thực ra, đây là một bài ca dao mang tên “Đi chợ tính tiền” kể chuyện một người phụ nữ đi chợ về, phải trình bày minh bạch, rõ ràng việc chi tiêu với chồng như sau:

*Một quan tiền tốt mang đi,
Nàng mua những gì hãy tính cho ra?
Thoạt tiên mua ba tiền gà,
Tiền rưỡi gạo nếp với ba đồng trâu.
Trở lại mua sáu đồng cau,
Tiền rưỡi miếng thịt, giá rau mười đồng.
Có gì mà tính chẳng thông.
Tiền rưỡi gạo tẻ, sáu đồng chè tươi.
Ba mươi đồng rượu, chàng ơi,
Ba mươi đồng mật, hai mươi đồng “vàng”.
Hai chén nước mắm rõ ràng,
Hai bảy mươi bốn kéo chàng hồ nghi.
Hăm mốt đồng bột nấu chè.
Mười đồng nải chuối, chẳng thì một quan!*

Bài ca dao như một lời khen sự đảm đang của người vợ giữ “tay hòm chìa khóa” trong gia đình biết cách tiêu tiền hợp lý, chính xác đến mức nghệ thuật khi đi chợ mua sắm. Chắc chắn đây là một buổi người vợ đi chợ mua đồ về làm cúng giỗ với đủ các thứ dùng cho việc cúng lễ như: rượu, trâu cau, vàng mã, chuối, gà, thịt lợn, gạo nếp, gạo tẻ, bột, mật, rau giá, nước mắm, chè tươi... Bài ca dao cũng phản ánh một thực tế là ngày xưa, nhiều chị em không được đi học, không biết làm các phép tính trên giấy nhưng lại tính nhẩm rất tài; đem một quan tiền đi chợ mua đồ về cúng, tính toán đầu ra đó, mua đủ đồ về nhà mà không thiếu thứ hàng gì và cũng không “lạm chi” hay thừa ra một đồng nào.

Có người còn ví bài ca dao này như một kịch bản văn học sinh động phục hiện hoạt cảnh giữa một đôi vợ chồng trẻ ngày xưa. Anh chồng chắc hẳn là một người có tính đa nghi và tật bủn xỉn “đo lọ nước mắm, đếm củ dưa hành” nên khi vợ vừa đi chợ về là

anh ta đã sẵn sàng soi kiểm kê và bắt phải “báo cáo tài chính” ngay tại chỗ. Chẳng phải tay vừa, nàng giải thích đầu ra đó với sự chính xác và tự tin “*Có gì mà tính chẳng thông?*”? Thịnh thoảng nàng lại đem vào những từ ngữ mỉa mai, riếu cợt ông chồng như: “*Ba mươi đồng rượu, chàng ơi*” (Ý nói rượu này là mua cho chàng đó thôi!); hoặc “*Hai chén nước mắm rõ ràng...*” chàng thấy rồi đấy, đừng có hồ nghi em bớt tiền chợ để ăn quả vật đầu nhé!

Thế nhưng, ngày nay để hiểu bài ca dao này cho tường tận thì trước hết ta cần phải biết về tỷ giá quy đổi chính xác giữa 3 đơn vị tiền tệ nêu trong bài ca dao đó là: “quan”, “tiền” và “đồng”.

Theo các tư liệu nghiên cứu về tiền tệ của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, 1 quan có giá trị là 10 tiền, còn 1 tiền bằng bao nhiêu đồng lại tùy theo quy định của mỗi triều đại. Từ thời nhà Lê thì 1 quan bằng 10 tiền, 1 tiền bằng 60 đồng nên 1 quan bằng 600 đồng. Kể từ đó hệ thống đơn vị tiền tệ này được dùng ổn định trong hơn 500 năm qua các đời vua Lê, sang nhà Mạc, đến thời Lê trung hưng cho tới nhà Nguyễn và chỉ chấm dứt khi chế độ phong kiến Việt Nam kết thúc năm 1945. Nếu ai yêu thơ Nguyễn Bính có lẽ vẫn nhớ bài thơ “*Thời trước*” được ông sáng tác năm 1936, trong đó có hai câu: “*Một quan là sáu trăm đồng/ Chắt chiu tháng tháng cho chồng đi thi*”...

Dựa trên từng câu ca dao, tôi xin ghi ra đây bản “báo cáo tài chính” của nàng với mỗi món đều tính ra đồng như sau: gà 180 đồng; gạo nếp 90 đồng; trâu 3 đồng; cau 6 đồng; thịt lợn 90 đồng; rau giá 10 đồng; gạo tẻ 90 đồng; chè tươi 6 đồng; rượu 30 đồng; mật đường 30 đồng; vàng mã 20 đồng; nước mắm 14 đồng; bột nấu chè 21 đồng; nải chuối 10 đồng.

Cộng tất cả 14 khoản mua sắm trên đây vừa vặn đúng 600 đồng, tức 1 quan tiền. Không thừa, không thiếu đồng nào!

Nhân những ngày nghỉ Tết, xin mời các kiểm toán viên và bạn đọc thử lấy máy tính ra để cộng xem có đúng 600 đồng không? ■

